

Số: 3170 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

**Dự án: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở
tại 7 xã biên giới tỉnh Gia Lai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới.

Căn cứ Quyết định 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2025 cho các địa phương để thực hiện Thông báo Kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Thực hiện Kết luận số 36-KL/TU ngày 28/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai nhiệm kỳ 2020-2025 tại Hội nghị lần thứ 6;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 52/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 18/12/2025; đề nghị của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh tại Tờ trình số 51/TTr-BQLDA ngày 07/11/2025 (kèm theo Công văn số 133/SXD-QLXDĐTĐ ngày 08/12/2025 của Sở Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại 7 xã biên giới tỉnh Gia Lai) .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại 7 xã biên giới tỉnh Gia Lai với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại 7 xã biên giới tỉnh Gia Lai.

2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): 8164709.

3. Địa điểm xây dựng: Tại các xã Ia Mơ, Ia Púch, Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Dom, Ia Chia, Ia O, tỉnh Gia Lai.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai.

6. Tổ chức tư vấn lập, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng:

a) Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Kiểu Việt. Địa chỉ: Số 60 Chu Văn An, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

b) Nhà thầu tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH KTXD Bình Định. Địa chỉ: Số 231/40 Tây Sơn, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

c) Nhà thầu tư vấn khảo sát địa hình: Công ty TNHH dịch vụ đo đạc Bình Phú. Địa chỉ: KV5, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.

d) Nhà thầu tư vấn khảo sát địa chất: Công ty TNHH MTV khảo sát tư vấn xây dựng Hoàng Bình. Địa chỉ: Số 5/52 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh

Gia Lai.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm B, công trình dân dụng cấp III.

8. Mục tiêu dự án: Việc đầu tư xây dựng 07 trường phổ thông nội trú liên cấp tại địa bàn 7 xã biên giới của tỉnh Gia Lai nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tạo cơ hội học tập bình đẳng cho học sinh các xã vùng biên giới đất liền của tỉnh.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng tổng thể:

a) Quy mô sử dụng đất (7 trường): 51,86 ha.

b) Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh 7 trường nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, đồng bộ về công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị dạy học. Xây dựng mới các hạng mục công trình dạy và học với quy mô giáo dục tại 7 trường, số lớp học 212 lớp, 7.108 học sinh (bình quân mỗi lớp 35 học sinh).

- Phần xây dựng:

+ Khối phòng học tiểu học và trung học cơ sở, khối phòng học bộ môn.

+ Khối phòng hành chính quản trị: Phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng nghỉ giáo viên, phòng y tế, kho, phòng bảo vệ...

+ Khối phòng phục vụ học tập: Thư viện, nhà đa năng, phòng thiết bị đồ dùng giảng dạy, phòng truyền thống, phòng sinh hoạt Đoàn - Đội...

+ Nhà đa năng, bể bơi.

+ Khu sân chơi, bãi tập, sân thể dục thể thao.

+ Hành lang cầu nối, khu vệ sinh và khu để xe.

+ Khu phục vụ sinh hoạt: Nhà ăn, bếp, phòng sinh hoạt chung, nhà ở cho học sinh, nhà công vụ cho giáo viên...

+ Hạ tầng kỹ thuật: Đường nội bộ, cấp điện, chiếu sáng, cấp thoát nước, PCCC, chống sét, mạng Internet, cây xanh, tường rào, cổng trường.

+ Đầu tư đường giao thông kết nối từ Quốc lộ 19 đến cổng Trường nội trú liên cấp xã Ia Dom, chiều dài khoảng 400m, kết cấu đường bê tông xi măng.

+ Đầu tư đường giao thông kết nối từ đường bê tông liên xã hiện trạng đến cổng Trường nội trú liên cấp xã Ia Chia, chiều dài khoảng 160m, kết cấu đường bê tông xi măng.

- Phần thiết bị: Đầu tư đồng bộ trang thiết bị phục vụ dạy học, phòng học bộ môn, thiết bị y tế học đường và các trang thiết bị khác.

9.2. Quy mô đầu tư xây dựng chi tiết:

a) Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia

Mơ:

- Quy mô sử dụng đất: 6,19 ha.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình dạy và học với quy mô đến năm học 2027-2028 là 24 lớp, 750 học sinh (tiểu học: 15 lớp, 451 học sinh; trung học cơ sở: 9 lớp, 299 học sinh); trong đó xây dựng mới 28 phòng học văn hóa.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình nhà công vụ giáo viên, nhà ở nội trú, nhà ăn,... đảm bảo cho việc ăn, ở nội trú, bán trú của học sinh tại trường (Nội dung chi tiết theo Phụ lục 01).

b) Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia Púch:

- Quy mô sử dụng đất: 5,01 ha.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình dạy và học với quy mô đến năm học 2027-2028 là 16 lớp, 794 học sinh (tiểu học: 16 lớp, 462 học sinh; trung học cơ sở: 10 lớp, 332 học sinh); trong đó xây dựng mới 30 phòng học văn hóa.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình nhà công vụ giáo viên, nhà ở nội trú, nhà ăn,... đảm bảo cho việc ăn, ở nội trú, bán trú của học sinh tại trường (Nội dung chi tiết theo Phụ lục 02).

c) Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia Pnôn:

- Quy mô sử dụng đất: 7,01 ha.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình dạy và học với quy mô đến năm học 2027-2028 là 34 lớp, 1.134 học sinh (tiểu học: 21 lớp, 702 học sinh; trung học cơ sở: 13 lớp, 432 học sinh); trong đó xây dựng mới 38 phòng học văn hóa.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình nhà công vụ giáo viên, nhà ở nội trú, nhà ăn,... đảm bảo cho việc ăn, ở nội trú, bán trú của học sinh tại trường (Nội dung chi tiết theo Phụ lục 03).

d) Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia Nan:

- Quy mô sử dụng đất: 6,99 ha.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình dạy và học với quy mô đến năm học 2027-2028 là 24 lớp, 840 học sinh (tiểu học: 16 lớp, 560 học sinh; trung học cơ sở: 8 lớp, 280 học sinh); trong đó xây dựng mới 26 phòng học văn hóa.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình nhà công vụ giáo viên, nhà ở nội trú, nhà ăn,... đảm bảo cho việc ăn, ở nội trú, bán trú của học sinh tại trường (Nội dung chi tiết theo Phụ lục 04).

d) Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia

Nan:

- Quy mô sử dụng đất: 6,99 ha.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình dạy và học với quy mô đến năm học 2027-2028 là 24 lớp, 840 học sinh (tiểu học: 16 lớp, 560 học sinh; trung học cơ sở: 8 lớp, 280 học sinh); trong đó xây dựng 26 phòng học văn hóa.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình nhà công vụ giáo viên, nhà ở nội trú, nhà ăn,... đảm bảo cho việc ăn, ở nội trú, bán trú của học sinh tại trường (Nội dung chi tiết theo Phụ lục 05).

e) Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia Chia:

- Quy mô sử dụng đất: 10,00 ha.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình dạy và học với quy mô đến năm học 2027-2028 là 30 lớp, 1.000 học sinh (tiểu học: 17 lớp, 566 học sinh; trung học cơ sở: 13 lớp, 434 học sinh); trong đó xây dựng mới 32 phòng học văn hóa.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình nhà công vụ giáo viên, nhà ở nội trú, nhà ăn,... đảm bảo cho việc ăn, ở nội trú, bán trú của học sinh tại trường (Nội dung chi tiết theo Phụ lục 06).

g) Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia O:

- Quy mô sử dụng đất: 9,85 ha.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình dạy và học với quy mô đến năm học 2027-2028 là 38 lớp, 1.330 học sinh (tiểu học: 25 lớp, 875 học sinh; trung học cơ sở: 13 lớp, 455 học sinh); trong đó xây dựng mới 40 phòng học văn hóa.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình nhà công vụ giáo viên, nhà ở nội trú, nhà ăn,... đảm bảo cho việc ăn, ở nội trú, bán trú của học sinh tại trường (Nội dung chi tiết theo Phụ lục 07).

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam được nêu tại Tờ trình số 51/TTr-BQLDA ngày 07/11/2025 của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **1.516.340.000.000 đồng** (Một nghìn năm trăm mười sáu tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Trong đó:

STT	Nội dung tổng mức đầu tư xây dựng	Tổng mức đầu tư xây dựng (đồng)
1	Chi phí BT, HT và TĐC	6.963.404.000
2	Chi phí xây dựng	1.267.818.097.000
3	Chi phí thiết bị	151.406.931.000
4	Chi phí QLDA	13.928.873.000
5	Chi phí tư vấn ĐTXD	34.165.696.000
6	Chi phí khác	7.800.187.000
7	Chi phí dự phòng	34.256.812.000
Tổng mức đầu tư		1.516.340.000.000

13. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2026.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Ngân sách Trung ương:

+ Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ kinh phí năm 2025 đầu tư dự án Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại 7 xã biên giới tỉnh Gia Lai, số tiền: 397,149 tỷ đồng (tại Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 04/11/2025)

+ Phần kinh phí còn lại, ngân sách Trung ương sẽ tiếp tục bố trí trong năm 2026 để triển khai hoàn thành dự án.

- Ngân sách tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong kế hoạch đầu tư công năm 2026, số tiền: 10 tỷ đồng cho dự án để đảm bảo phần chi phí giải phóng mặt bằng.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai trực tiếp quản lý dự án.

16. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được UBND các xã phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai và các đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi; chịu trách nhiệm bố trí đầy đủ nhân lực đảm bảo điều kiện về chuyên môn, trình

độ, năng lực để tổ chức quản lý Dự án theo quy định; chịu trách nhiệm về tính hợp lý của các giải pháp thiết kế trong thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư và tính pháp lý của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt.

- Tiếp tục tổ chức kiểm tra, rà soát, tiếp thu, hoàn thiện các ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan đối với Dự án và các nội dung yêu cầu của Sở Xây dựng tại Công văn số 133/SXD-QLXDTĐ ngày 08/12/2025 để tổ chức thực hiện các bước tiếp theo tối ưu về kinh tế, kỹ thuật công trình, tiết kiệm, hiệu quả; không để xảy ra lãng phí, thất thoát vốn đầu tư; quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Rà soát, xác định cụ thể chi tiết, quy mô các hạng mục công trình của dự án, trong đó đặc biệt lưu ý đến giải pháp, phương án thiết kế hạng mục khối nhà hành chính quản trị, phục vụ học tập, sinh hoạt cho học sinh và giáo viên, đảm bảo đồng bộ, tiện ích và nhu cầu sử dụng thực tế. Trong quá trình hoàn thiện các nội dung trên nếu có thay đổi so với dự án đã được duyệt, Chủ đầu tư có trách nhiệm trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án theo quy định.

- Xác định nhu cầu bố trí kế hoạch vốn và phối hợp với Sở Tài chính bố trí đủ vốn thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Phối hợp với UBND các xã có liên quan tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng; đầu tư hạ tầng kỹ thuật kết nối với Dự án theo quy hoạch của địa phương đã được phê duyệt.

- Tổ chức quản lý và triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng nội dung tại Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, giám sát đánh giá đầu tư, giám sát cộng đồng; bảo đảm triển khai dự án đầu tư đúng trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm tiến độ, chất lượng.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Sở Xây dựng thực hiện trách nhiệm quản lý chất lượng xây dựng công trình theo chức năng, nhiệm vụ và theo đúng các quy định hiện hành;

- Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác phối hợp, hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định hiện hành; chịu trách nhiệm về quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của mình đối với các công việc có liên quan đến quá trình thực hiện dự án.

3. Trách nhiệm của UBND các xã: Ia Mơ, Ia Púch, Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Dom, Ia Chia, Ia O:

- Thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tương ứng với phạm vi địa bàn quản lý; khai thác, sử dụng có hiệu quả, không để xảy ra việc tái lấn chiếm quỹ đất đã thu hồi được giao quản lý.

- Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân khi triển khai thực hiện Dự án; kịp thời xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và những vấn đề phát sinh đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc nhà nước Khu vực XV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Ia Mơ, Ia Púch, Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Dom, Ia Chia, Ia O; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, V2.




**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang



PHỤ LỤC 01: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia Mơ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

1. Địa điểm xây dựng: Khu đất xây dựng dự án tại Làng Klăh, xã Ia Mơ, tỉnh Gia Lai, có diện tích khoảng 61.975,6m² (khoảng 6,1ha) và có giới cận: Phía Bắc giáp đường Tỉnh lộ 665; phía Nam giáp đường quy hoạch; phía Đông giáp đường quy hoạch; phía Tây giáp khu đất Quy hoạch thương mại dịch vụ.

2. Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc (Theo đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được duyệt):

- Cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	15.315	24,0
2	Đất sân đường nội bộ + hạ tầng kỹ thuật	17.712	28,0
3	Đất cây xanh	28.948	46,0
	Tổng diện tích quy hoạch	61.975	100,0

3. Quy mô đầu tư xây dựng:

STT	Danh mục	Ký hiệu	Đơn vị tính	Diện tích xây dựng	Tổng diện tích sàn	Số lượng	Tầng cao
1	Khối học lý thuyết tiểu học (2 tầng 6 phòng)	LT01	m ² XD	458,6	922,3	01	02
2	Khối học lý thuyết tiểu học (3 tầng 11 phòng)	LT02	m ² XD	458,6	1.372,3	01	03
3	Khối học lý thuyết THCS (3 tầng 11 phòng)	LT03	m ² XD	458,6	1.372,3	01	03
4	Khối học bộ môn (2 tầng 7 phòng)	BM01	m ² XD	542,9	1.091,4	01	02
5	Khối học bộ môn (2 tầng 7 phòng)	BM02	m ² XD	542,9	1.091,4	01	02
6	Khối hành chính - Khối phục vụ học tập (không bao gồm Nhà đa năng, phụ trợ)	HB	m ² XD	989,1	2.560,2	01	03
7	Nhà đa năng	ĐN	m ² XD	1,258,1	1.258,1	01	01
8	Bể bơi	BB	m ² XD	670,4	670,4	01	01
9	Nhà ăn	AN	m ² XD	1,177,4	1.177,4	01	01
10	Khối nhà ở học sinh (3 tầng: 18 phòng)	KT01	m ² XD	673,7	1.967,9	01	03

STT	Danh mục	Ký hiệu	Đơn vị tính	Diện tích xây dựng	Tổng diện tích sàn	Số lượng	Tầng cao
11	Khối nhà ở học sinh (3 tầng: 18 phòng)	KT02	m ² XD	673,7	1.967,9	01	03
12	Khối nhà ở học sinh (3 tầng: 18 phòng)	KT03	m ² XD	673,7	1.967,9	01	03
13	Khối nhà ở công vụ giáo viên (3 tầng: 26 phòng)	CV	m ² XD	542,2	1.615,0	01	03
14	Nhà văn hóa	VH	m ² XD	855,3	855,3	01	01
15	Nhà xe giáo viên	NX01	m ² XD	157,8	157,8	01	01
16	Nhà xe học sinh	NX02	m ² XD	157,8	157,8	01	01
17	Nhà xe học sinh	NX03	m ² XD	157,8	157,8	01	01
18	Nhà thường trực bảo vệ cổng chính và cổng nội trú	CC	m ² XD	14,5	14,5	01	01
19	Hành lang cầu nối	HL	m ² XD	744,1	744,1		01
20	Trạm biến áp 250KVA	TBA	m ² XD	10,0	10,0	01	01
21	Nhà đặt máy bơm - Khu bể nước chữa cháy + khu bể nước sinh hoạt	BN	m ² XD	132,0	166,7	01	01
22	Đài nước 20m ³	ĐA	m ² XD	32,0	64,0	01	05
23	Nhà chứa chất thải nguy hại	NT	m ² XD	9,0	9,0	01	01
24	Tường rào	HR	m dài	1.035		01	

3.1. Phần dân dụng

a) Khối học lý thuyết tiểu học (2 tầng 6 phòng) (kí hiệu LT01, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 458,6m², tổng diện tích sàn khoảng 922,3m²; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,1m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 6,4m so với chỉ giới đường đỏ (đường Quy hoạch); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình bao gồm 06 phòng học, 02 phòng nghỉ giáo viên và 02 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

b) Khối học lý thuyết tiểu học (3 tầng 11 phòng) (kí hiệu LT02, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 458,6m², tổng diện tích sàn khoảng 1.372,3m²; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,80m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 6,6m so với chỉ giới đường đỏ (đường Quy hoạch); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,450m; bố trí công năng công trình bao gồm 11

phòng học, 03 phòng nghỉ giáo viên và 01 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

c) Khối học lý thuyết THCS (3 tầng 11 phòng) (kí hiệu LT03, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $458,6m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.372,3m^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,80m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 10,9m so với chỉ giới đường đỏ (đất thương mại dịch vụ); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,450m; bố trí công năng công trình bao gồm 11 phòng học, 03 phòng nghỉ giáo viên và 01 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

d) Khối học bộ môn (2 tầng 7 phòng) (kí hiệu BM01 và BM02, số lượng 02)

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng mỗi hạng mục nhà bộ môn khoảng $542,9m^2$, tổng diện tích sàn mỗi hạng mục nhà bộ môn khoảng $1.091,4m^2$; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,1m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 4,3m so với chỉ giới đường đỏ (đất thương mại dịch vụ); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,450m; bố trí công năng công trình mỗi nhà bao gồm 07 phòng học bộ môn, 07 phòng chuẩn bị, 01 phòng nghỉ giáo viên, 02 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

đ) Khối hành chính - Khối phục vụ học tập (không bao gồm Nhà đa năng, phụ trợ) (kí hiệu HB, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $989,1m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $2.560,2m^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 15,1m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 52,1m so với chỉ giới đường đỏ (đường Tỉnh lộ 665); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 1,05m; bố trí công năng công trình bao gồm các phòng làm việc, phòng chức năng của hành chính hiệu bộ trường, các phòng thư viện hỗ trợ học tập, khu vệ sinh chung.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái

BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

e) Nhà đa năng (kí hiệu ĐN, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $1.258,1\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.258,1\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 11,75m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 22,5m so với chỉ giới đường đỏ (đường Quy hoạch); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; bố trí công năng công trình bao gồm không gian đa năng + sân khấu, WC + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn bê tông BTCT, mái vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

g) Bể bơi (kí hiệu BB, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $670,4\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $670,4\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,3m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 22,6m so với chỉ giới đường đỏ (đường Quy hoạch); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,15m; bố trí công năng công trình bao gồm bể bơi.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT, hình thức kiến trúc công trình đơn giản, mái vòm lợp tôn, cột chịu lực thép hình I, hệ kèo thép liên kết tổ hợp dạng vòm, xung quanh để trống, không xây tường hay bố trí cửa

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

h) Nhà ăn (kí hiệu AN, số lượng 01)

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $1.177,4\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.177,4\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,2m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 72,1m so với chỉ giới đường đỏ (đường Quy hoạch); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; bố trí công năng công trình bao gồm 01 phòng ăn phục vụ tối đa 840 học sinh, bếp nấu và 02 khu vệ sinh chung (nam - nữ).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

i) Khối nhà ở học sinh (3 tầng: 18 phòng) (kí hiệu KT01, KT02, KT03, số lượng 03):

- Diện tích xây dựng mỗi hạng mục nhà ở học sinh khoảng $673,7\text{m}^2$, tổng diện tích sàn mỗi nhà khoảng $1.967,9\text{m}^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 13,2m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 15,3m so với chỉ giới đường đỏ (đất quy hoạch thương mại); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công

năng công trình mỗi nhà bao gồm 1 phòng sinh hoạt chung, 17 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

k) Khối nhà ở công vụ giáo viên (3 tầng: 26 phòng) (kí hiệu CV, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $542,2m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.615m^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 13,2m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 39,7m so với chỉ giới đường đỏ (đất quy hoạch thương mại); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình bao gồm 26 phòng ở giáo viên và 1 phòng SHC.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đôi BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

l) Nhà văn hóa (kí hiệu VH, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $855,3m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $855,3m^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 17,75m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình bao gồm không gian sinh hoạt + sân khấu, wc + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn mái BTCT chịu lực, mái vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

m) Nhà xe giáo viên (kí hiệu NX01, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $157,8m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $157,8m^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 3,2m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 4,3m so với chỉ giới đường đỏ (đường Tỉnh lộ 665); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,2m; bố trí công năng công trình nhà để xe.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm chịu lực là thép, mái thép, lợp tôn. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

n) Nhà xe học sinh (kí hiệu NX02 và NX03, số lượng 02):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng mỗi nhà khoảng $157,8m^2$, tổng diện tích sàn mỗi nhà khoảng $157,8m^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 3,2m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 4,3m so với chỉ giới đường đỏ (đường Tỉnh lộ 665); cốt nền

xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,2m; bố trí công năng công trình nhà để xe.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm chịu lực là thép, mái thép, lợp tôn. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

o) Nhà thường trực bảo vệ cổng chính và cổng nội trú (kí hiệu CC, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $14,5m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $14,5m^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 2,8m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,20m; bố trí công năng công trình nhà bảo vệ cổng chính và cổng chính.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

q) Hành lang cầu nối (kí hiệu HL):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $744,1m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $744,1m^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 5,83m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0m; bố trí công năng công trình kết nối khu nhà hiệu bộ, khối hành chính, khối phục vụ học tập với các khối nhà lớp học, nhà ăn, khối nhà ở công vụ giáo viên và các khối nhà nội trú học sinh nhằm phục vụ việc di chuyển giữa các khối nhà cho giáo viên cũng như học sinh trong những ngày thời tiết mưa gió, nắng nóng.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

r) Nhà đặt máy bơm - Khu bể nước chữa cháy + khu bể nước sinh hoạt (kí hiệu BN, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $132m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $166,7m^2$; số tầng cao: 1 tầng nổi+Bể ngầm; chiều cao công trình: 4,15m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 16m so với chỉ giới đường đỏ (đất quy hoạch thương mại); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,55m; bố trí công năng công trình bao gồm bể nước sinh hoạt và bể nước PCCC.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng bè BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

s) Đài nước 20m^3 (kí hiệu ĐA, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 32m^2 , tổng diện tích sàn khoảng 64m^2 ; số tầng cao: 05; chiều cao công trình: 20m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 14,6m so với chỉ giới đường đỏ (đất quy hoạch thương mại); cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,3m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

y) Tường rào (kí hiệu HR, số lượng 01):

- Kiến trúc: Tường rào xây dựng mới với tổng chiều dài là 1.035m, là tường rào xây kín cao 2,3m.

- Kết cấu + hoàn thiện: trụ tường rào BTCT, móng trụ móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên. Tường toàn bộ tường xây bằng gạch bê tông không nung (mác gạch tối thiểu 5.0), xây và trát bằng vxm B5.

3.2. Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) San nền: San gạt cục bộ khu đất theo hướng dốc chính từ Bắc vào Nam và từ Tây sang Đông. Khối lượng đất sau khi san gạt, thiếu khoảng 130.171m^3 ; khối lượng đất hoàn trả nạo vét hữu cơ khoảng 18.596m^3 .

b) Hệ thống đường giao thông nội bộ, sân trường: Xây dựng các tuyến đường giao thông, sân trường, kết cấu bằng BTXM (riêng sân lễ hội, sân thể thao, sân bóng chỉ san gạt, lu lèn tạo mặt bằng); đường chuyển tốc bằng BTXM; đường kết nối cổng trường vào đường chuyển tốc bằng BTXM. Bó vỉa bồn hoa xây gạch, trát vữa xi măng

c) Hệ thống cấp điện:

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp có công suất 250kVA-22/0,4kV để cấp điện cho dự án.

- Thiết kế hệ thống cấp điện ngoài nhà và chiếu sáng sân đường nội bộ.

d) Hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC:

- Hiện trạng khu vực chưa có hệ thống nước sạch, thiết kế bố trí tuyến ống chờ cấp nước HDPE D63 từ cổng đến bể nước ngầm. Khi hệ thống hạ tầng khu vực đồng bộ sẽ đấu nối đường ống cấp nước.

- Cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ các khối nhà bằng giếng khoan. Nước sạch sau khi xử lý được bơm từ bể lên đài nước sau đó theo các tuyến ống PVC DN50mm, DN25mm bơm tới các vị trí các khối nhà để cấp nước sinh hoạt.

e) Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Xây dựng tuyến cống BTCT D400mm, D600mm, D800mm dọc theo các tuyến đường giao thông để thu nước mưa sau đó thoát về các vị trí cửa xả ra tuyến mương hoàn trả phía Nam của dự án.

+ Xây dựng các tuyến mương BTCT B400mm tại vị trí thấp của các sân chào cờ, sân của các khối nhà rồi đầu vào hệ thống thoát nước mưa chung của dự án.

+ Hoàn trả tuyến mương đất phía Nam dự án.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Hệ thống nước thải thiết kế đi riêng với nước mưa. Nước thải của dự án được dẫn về bể xử lý nước thải bằng ống nhựa HDPE D200mm. Vị trí ống qua đường thiết kế ống lồng STK D250mm bảo vệ ống HDPE thoát nước thải.

+ Nước thải xám được thu gom theo hệ thống dẫn về vị trí bể tự hoại 5 ngăn cải tiến xử lý nằm phía Nam dự án, nước thải sau khi xử lý thoát về tuyến mương hoàn trả phía Nam. Nước thải đen được xử lý bằng bể hợp khối 5 ngăn tại vị trí các khối nhà sau đó thoát về hồ tự thấm.

+ Bố trí nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 9m².

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do đơn vị tư vấn lập, chủ đầu tư trình thẩm định tại Tờ trình số 51/TTr-BQLDA ngày 07/11/2025, được Sở Xây dựng Gia Lai thẩm định và trình duyệt tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 18/12/2025).

PHỤ LỤC 02: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia Púch

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

1. Địa điểm xây dựng: Khu đất xây dựng dự án tại làng Chư Kó, xã Ia Púch, tỉnh Gia Lai, có diện tích là 50.110m² (5,01ha), có giới cận: Phía Đông Bắc giáp đường quy hoạch; Phía Đông Nam giáp đường quy hoạch; Phía Tây Bắc giáp đường liên xã; Phía Tây Nam giáp: đường liên huyện.

2. Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc (Theo đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được duyệt):

- Cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau:

STT	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	13.418	26,8
2	Đất sân, đường giao thông nội bộ	16.716	33,4
3	Đất cây xanh cảnh quan; sân thể dục, thể thao	19.976	39,9
	Cây xanh	15.369	
	Sân thể dục, thể thao	4.607	
Tổng diện tích đất		50.110	100,0

- Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc:

+ Quy mô xây dựng: Xây dựng mới 01 trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở với quy mô 794 học sinh bao gồm các khu chức năng: khối phòng học; khối phòng phục vụ học tập; khối phòng hành chính quản trị; khu sân chơi, bãi tập; khu vệ sinh và khu để xe; khu phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất: $\geq 10\text{m}^2/\text{học sinh}$.

+ Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.

+ Tầng cao xây dựng: 1-5 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất: Tối đa 0,5 lần.

+ Tỷ lệ cây xanh: $\geq 30\%$.

3. Quy mô đầu tư xây dựng:

Kí hiệu	Tên hạng mục	Tầng cao	Số lượng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)
I	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG			10.876,8	19.363,5
I.1	Khối phòng học tập				

LT01	Khối học lý thuyết tiểu học (3 tầng: 9 phòng)	3	1	458,6	1.372,3
LT02	Khối học lý thuyết tiểu học (3 tầng: 9 phòng)	3	1	458,6	1.372,3
LT03	Khối học lý thuyết THCS (3 tầng: 12 phòng)	3	1	542,8	1.623,6
BM01	Khối học bộ môn (2 tầng: 7 phòng)	2	1	542,9	1.091,4
BM02	Khối học bộ môn (2 tầng: 7 phòng)	2	1	542,9	1.091,4
I.2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
HB	Khối hành chính - Khối phục vụ học tập (không bao gồm Nhà đa năng, phụ trợ)	3	1	989,1	2.560,2
ĐN	Nhà đa năng	1	1	1.258,1	1.258,1
BB	Bể bơi	1	1	670,4	670,4
I.3	Khối phục vụ sinh hoạt				
AN	Nhà ăn	1	1	1.177,4	1.177,4
KT01	Khối nhà ở học sinh (3 tầng: 15 phòng)	3	1	580,9	1.689,1
KT02	Khối nhà ở học sinh (4 tầng: 20 phòng)	4	1	576,6	2.238,9
CV	Khối nhà ở công vụ cho giáo viên (2 tầng: 12 phòng)	2	1	442,1	880,0
VH	Nhà văn hóa	1	1	855,3	855,3
I.4	Khối phụ trợ				
NX01	Nhà xe giáo viên	1	1	157,8	157,8
NX02	Nhà xe học sinh	1	1	157,8	157,8
NX03	Nhà xe học sinh	1	1	157,8	157,8
CC	Cổng chính, Nhà bảo vệ	1	1	14,5	14,5
CP	Cổng phụ, nhà bảo vệ	1	1	14,5	14,5
HL	Hành lang cầu nối	1	1	740,0	740,0
I.5	Khu hạ tầng kỹ thuật				
TBA	Trạm biến áp		1	10,0	10,0
BN	Nhà đặt máy bơm (đặt trên nắp bể nước)	1	1	34,7	34,7
	Khu bể nước sinh hoạt & bể nước PCCC	Ngầm	1	132,0	132,0
ĐA	Đài nước		1	32,0	64,0
NT	Nhà chứa chất thải nguy hại	1	1	9,0	9,0
HR	Tường rào	1	941m		

3.1. Phần công trình:

a) Khối lớp học lý thuyết Tiểu học (số lượng 02):

- Nhà lớp học lý thuyết Tiểu học số 1: Kí hiệu LT01; Nhà lớp học lý thuyết Tiểu học số 2: Kí hiệu LT02

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 458,6m², tổng diện tích sàn khoảng 1.372,30m², số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,90m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,45m; bố trí công năng công trình: 9 phòng

học, 03 phòng nghỉ giáo viên và 03 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

b) Khối lớp học lý thuyết Trung học cơ sở (kí hiệu LT03, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 542,80m², tổng diện tích sàn khoảng 1.623,60m², số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,90m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,45m; bố trí công năng công trình: 12 phòng học, 03 phòng nghỉ giáo viên và 03 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

c) Khối học bộ môn (số lượng 02):

- Nhà học bộ môn số 1: Kí hiệu BM01; Nhà học bộ môn số 2: Kí hiệu BM02

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 542,90m², tổng diện tích sàn khoảng 1.091,40m², số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,90m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,45m; bố trí công năng công trình: 7 phòng học và 01 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

d) Khối hành chính và phụ trợ - Phục vụ học tập (kí hiệu HB, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 989,10m², tổng diện tích sàn khoảng 2.560,20m², số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 15,10m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 1,05m; bố trí công năng công trình: các phòng làm việc, phòng chức năng của hành chính hiệu bộ trường, các phòng thư viện hỗ trợ học tập, khu vệ sinh chung.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng băng 1 phương + móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện theo yêu cầu sử dụng.

e) Khối nhà đa năng (kí hiệu DN, số lượng 01)

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 1258,10m², tổng diện tích sàn khoảng

1258,10m², số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 11,75m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,75m; bố trí công năng công trình: không gian đa năng + sân khấu, wc + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn seno BTCT chịu lực, mái vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

f) Bể bơi (kí hiệu BB, số lượng 01)

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 670,40m², tổng diện tích sàn khoảng 670,40m², số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,3m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,15m; Hồ bơi sử dụng loại hồ bơi lắp ráp, có thể di dời. Hồ có kích thước 14,1m x 24,6m cao 1,4m, bạt korea loại xanh dương dày 0,9mm. Bạt pvc nhập khẩu 5 lớp (2 lớp pvc, 1 lớp bố chịu lực, 1 lớp chống tia uv, 1 lớp men chống nấm). Hình thức kiến trúc công trình đơn giản, mái vòm lợp tôn, cột chịu lực thép hình I, hệ kèo thép liên kết tổ hợp dạng vòm, xung quanh để trống, không xây tường hay bố trí cửa.

- Kết cấu – hoàn thiện: Hệ kết cấu chịu lực của nhà: cột thép chịu lực, vì kèo thép, có ghcl R15. khung cột kèo, giằng chịu lực thép hình I có Ghcl R15. Móng trụ là móng đơn BTCT đổ tại chỗ. Tường bao che đầu hồi ốp tôn lạnh dày 0.5mm, khung xà gồ thép không yêu cầu giới hạn chịu lửa. Mái thả xà gồ thép, lợp mái tôn lạnh sóng vuông, không chịu lực, có giới hạn chịu lửa E15 (xà gồ thép và tấm lợp mái không tham gia vào việc ổn định tổng thể của nhà). Khung chống bể D42 dày 2mm, khung thành bể D48 dày 2mm. ống kẽm không gỉ chuyên dụng hồ bơi, khung được sơn bằng sơn tĩnh điện chuyên dụng chống ăn mòn. Bạt lót trải nền hồ trước khi lắp đặt hồ bơi, nền bê tông đổ tại chỗ.

- Giải pháp hệ thống: các hệ thống, dụng cụ đi kèm như bình lọc cát bể bơi, máy bơm hồ bơi, hệ thống van, ống nước, cát sỏi thạch anh và các dụng cụ hồ bơi như thang inox 304 vào ra hồ, bộ chân đế bảo vệ khung, chống lún nền hồ.....

g) Nhà ăn (kí hiệu AN, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 1.177,40m², tổng diện tích sàn khoảng 1.177,40m², số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,75m; bố trí công năng công trình: không gian đa năng + sân khấu, wc + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

h) Khối nhà ở học sinh (kí hiệu KT01, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 580,90m², tổng diện tích sàn khoảng 1.689,10m², số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 13,20m; cốt nền xây dựng công

trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,45m; bố trí công năng công trình: 1 phòng sinh hoạt chung, 14 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

i) Khối nhà ở học sinh (kí hiệu KT02, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 576,60m², tổng diện tích sàn khoảng 2.238,90m², số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 13,20m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,45m; bố trí công năng công trình: 1 phòng sinh hoạt chung, 19 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

j) Khối nhà ở công vụ giáo viên (kí hiệu CV, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 442,10m², tổng diện tích sàn khoảng 880,0m², số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,5m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,45m; bố trí công năng công trình: 12 phòng ở giáo viên và 1 phòng SHC

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đôi BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

k) Nhà văn hóa – Hội trường (kí hiệu VH, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 855,30m², tổng diện tích sàn khoảng 855,30m², số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 17,0m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,75m; bố trí công năng công trình: không gian sinh hoạt + sân khấu, wc + thay đồ và kho

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

l) Nhà để xe (số lượng 03):

- Nhà để xe số 1: Kí hiệu NX01, số lượng 01; Nhà để xe số 2: Kí hiệu NX02, số lượng 01; Nhà để xe số 3: Kí hiệu NX03, số lượng 01.

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 157,80m², tổng diện tích sàn khoảng 157,80m², số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 3m; cốt nền xây dựng công trình

cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,2m; bố trí công năng công trình: Nhà để xe.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm chịu lực là thép, mái thép, lợp tôn. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

m) Cổng chính, nhà bảo vệ (kí hiệu CC, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 14,50m², tổng diện tích sàn khoảng 14,50m², số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 2,8m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,15m; bố trí công năng công trình: Nhà bảo vệ và cổng chính

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

n) Cổng phụ, nhà bảo vệ (kí hiệu CP, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 14,5m², tổng diện tích sàn khoảng 14,5m², số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 2,8m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,15m; bố trí công năng công trình: Nhà bảo vệ và cổng phụ

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

o) Hành lang cầu nổi (kí hiệu HL, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 740m², tổng diện tích sàn khoảng 740m², số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 5,83m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0m;

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

p) Bể nước chữa cháy – sinh hoạt và nhà đặt máy bơm (kí hiệu BN, số lượng 01):

- Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC: Diện tích xây dựng khoảng 34,7m², tổng diện tích sàn khoảng 34,7m², số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 4,15m; bố trí công năng công trình: Bể nước ngầm chứa nước bao gồm bể nước PCCC và sinh hoạt, nhà đặt máy bơm

Nhà đặt máy bơm đặt trên Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC Diện tích xây

dựng khoảng 123m^2 , tổng diện tích sàn khoảng 123m^2 Hệ khung cột, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Tường xây gạch không nung. Nền làm bản nắp của Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC, mái BTCT lợp VXM hoàn thiện.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng bè BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

q) Đài nước (kí hiệu ĐN, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 32m^2 , tổng diện tích sàn khoảng 64m^2 ; chiều cao công trình: 20m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt nền sân hoàn thiện: 0,5m;

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

r) Hàng mục Tường rào (kí hiệu HR; số lượng 01):

- Kiến trúc: tổng chiều dài tường rào: 941m; tường rào cao 2,3m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

3.2. Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) San nền: San gạt cục bộ khu đất theo hướng dốc chính từ Bắc vào Nam, khối lượng đất sau khi san gạt, thừa khoảng $55,97\text{m}^3$.

b) Hệ thống đường giao thông nội bộ, sân trường: Xây dựng các tuyến đường giao thông, sân trường, kết cấu bằng BTXM (riêng sân lễ hội, sân thể thao, sân bóng chỉ san gạt, lu lèn tạo mặt bằng), đường kết nối cổng chính và cổng phụ vào đường hiện hữu bằng BTXM. Bó vỉa bồn hoa xây gạch, trát vữa Xi măng.

c) Hệ thống cấp điện:

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp có công suất 250kVA-22/0,4kV để cấp điện cho dự án.

- Thiết kế hệ thống cấp điện ngoài nhà và chiếu sáng sân đường nội bộ.

d) Hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC:

- Hiện trạng khu vực chưa có hệ thống nước sạch, thiết kế bố trí tuyến ống chờ cấp nước HDPE D63mm từ cổng đến bể nước ngầm. Khi hệ thống hạ tầng khu vực đồng bộ sẽ đấu nối đường ống cấp nước.

- Cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ các khối nhà bằng giếng khoan. Nước sạch sau khi xử lý được bơm từ bể lên đài nước sau đó theo các tuyến ống PVC

DN50mm, DN25mm bơm tới các vị trí các khối nhà để cấp nước sinh hoạt.

e) Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Xây dựng tuyến cống BTCT D400mm, D600mm, D800mm dọc theo các tuyến đường giao thông để thu nước mưa sau đó thoát về các vị trí cửa xả ra tuyến mương cải tạo trong trường và thoát về suối hiện trạng.

+ Xây dựng tuyến mương bê tông hoàn trả, tuyến cống BTCT D1000 tại vị trí cống phụ phía Tây, hướng thoát nước hoàn trả về tuyến mương cải tạo trong trường.

+ Xây dựng các tuyến mương BTCT B400mm tại vị trí thấp của các sân chào cờ, sân của các khối nhà rồi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của dự án.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Hệ thống nước thải thiết kế đi riêng với nước mưa. Nước thải của dự án được dẫn về bể xử lý nước thải bằng ống nhựa HDPE D200. Vị trí ống qua đường thiết kế ống lồng STK D250 bảo vệ ống HDPE thoát nước thải.

+ Nước thải xám được thu gom theo hệ thống dẫn về vị trí bể tự hoại 5 ngăn cải tiến xử lý nằm phía Đông Nam dự án, nước thải sau khi xử lý thoát về tuyến mương cải tạo. Nước thải đen được xử lý bằng bể hợp khối 5 ngăn tại vị trí các khối nhà sau đó thoát về hố tự thấm.

+ Bố trí nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 9m².

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do đơn vị tư vấn lập, chủ đầu tư trình thẩm định tại Tờ trình số 51/TTr-BQLDA ngày 07/11/2025, được Sở Xây dựng Gia Lai thẩm định và trình duyệt tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 18/12/2025).

PHỤ LỤC 03: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia Pnôn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

1. Địa điểm xây dựng: Làng Chan, xã Ia Pnôn, tỉnh Gia Lai. Phía Bắc giáp đường quy hoạch, lộ giới 25m, phía Nam giáp đường liên xã lộ giới 25m, phía Đông giáp đường quy hoạch lộ giới 20m, phía Tây giáp đường quy hoạch lộ giới 20m.

2. Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc (Theo đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được duyệt):

- Cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau:

STT	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	16.790	23,9
2	Đất sân, đường giao thông nội bộ	18.313	26,1
3	Đất cây xanh cảnh quan; sân thể dục, thể thao	25.932	37,0
	<i>Cây xanh cảnh quan</i>	<i>17.911</i>	
	<i>Sân thể dục, thể thao</i>	<i>8.021</i>	
4	Đất dự phòng phát triển	9.117	13,0
Tổng diện tích đất		70.152	100,0

- Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc:

+ Quy mô xây dựng: Xây dựng mới Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở quy mô 1.134 học sinh, gồm các khu chức năng: Khối phòng học; khối phòng phục vụ học tập; khối phòng hành chính quản trị; khu sân chơi, bãi tập; khu vệ sinh và khu để xe; khu phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất: $\geq 10\text{m}^2/\text{học sinh}$.

+ Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.

+ Tầng cao xây dựng: 1-5 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất: Tối đa 0,5 lần.

+ Tỷ lệ cây xanh: $\geq 30\%$.

3. Quy mô đầu tư xây dựng:

STT	Tên hạng mục	Kí hiệu	Đơn vị tính	Diện tích xây dựng	Tổng diện tích sàn	Số lượng	Tầng cao
I.1	Khối phòng học tập						
1	Khối học lý thuyết tiểu học	LT01	m ² XD	542,8	1.623,6	1	3

	03 tầng 14 phòng						
2	Khối học lý thuyết tiểu học 03 tầng 14 phòng	LT02	m ² XD	542,8	1.623,6	1	3
3	Khối học lý thuyết THCS 03 tầng 12 phòng	LT03	m ² XD	542,8	1.623,6	1	3
4	Khối học bộ môn tiểu học 02 tầng 07 phòng	BM01	m ² XD	542,9	1.091,4	1	2
5	Khối học bộ môn THCS 02 tầng 07 phòng	BM02	m ² XD	542,9	1.091,4	1	2
6	Khối học lý thuyết 03 tầng 12 phòng (dự phòng phát triển GD2)	DK01	m ² XD				
I.2	Khối phòng hỗ trợ học tập						
7	Khối hành chính - phụ trợ	HB	m ² XD	1.186,1	3.171,2	1	3
8	Nhà đa năng	ĐN	m ² XD	1.258,1	1.258,1	1	1
9	Bể bơi	BB	m ² XD	670,4	670,4	1	1
I.3	Khối phục vụ sinh hoạt						
10	Nhà ăn	AN	m ² XD	2.054,3	2.054,3	1	1
11	Nhà ở học sinh 03 tầng 18 phòng	KT01	m ² XD	673,7	1967,9	1	3
		KT02	m ² XD	673,7	1967,9	1	3
		KT03	m ² XD	673,7	1967,9	1	3
		KT04	m ² XD	673,7	1967,9	1	3
12	Nhà ở công vụ cho giáo viên 03 tầng 22 phòng	CV	m ² XD	491,8	1466	1	3
13	Nhà văn hóa	VH	m ² XD	855,3	855,3	1	1
I.4	Khối phụ trợ						
14	Nhà xe giáo viên	NX03	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX04	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX05	m ² XD	157,8	157,8	1	1
15	Nhà xe học sinh	NX01	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX02	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX06	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX07	m ² XD	157,8	157,8	1	1
16	Nhà thường trực & công chính	CC	m ² XD	14,5	14,5	1	1
17	Nhà thường trực & công phụ (dự phòng phát triển GD2)	CP	m ² XD				
18	Hành lang nối	HL	m ² XD	876,6	876,6	1	1
I.5	Khu hạ tầng kỹ thuật						
19	Trạm biến áp	TBA	m ² XD	10,0	10,0	1	1
20	Nhà đặt máy bơm (đặt trên nắp bể nước)	BN	m ² XD	34,7	34,7	1	1
	Khu bể nước sinh hoạt & bể nước pccc		M ² XD	132	132	1	Bán ngâm
21	Đài nước	ĐA	m ³	20,0	20,0	1	2
22	Nhà điều khiển trạm XLTN	NT	m ² XD	19,8	19,8	1	1

	Trạm xử lý nước thải		M ² XD	75,12	93,12	1	Bán ngâm
23	Nhà chứa chất thải nguy hại		m ² XD	9,0	9,0	1	1
24	Tường rào	HR	m	1.057		1	1

3.1. Phần công trình:

a) Hạng mục Khối lớp học lý thuyết Tiểu học (kí hiệu LT01, LT02; số lượng 02):

- Kiến trúc (tính cho 1 hạng mục): Diện tích xây dựng khoảng 542,8m², tổng diện tích sàn khoảng 1.623,6m²; 03 tầng nổi; chiều cao công trình 12,9m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng 0,45m; bố trí công năng công trình gồm 14 phòng học, 03 phòng nghỉ giáo viên và khu vệ sinh chung (nam - nữ - dành riêng cho người khó tiếp cận).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

b) Hạng mục Khối lớp học lý thuyết Tiểu học (kí hiệu LT03; số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 542,8m², tổng diện tích sàn khoảng 1.623,6m²; 03 tầng nổi; chiều cao công trình 12,9m so với cốt 0,00; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng 0,45m; bố trí công năng công trình bao gồm 12 phòng học, 03 phòng nghỉ giáo viên và 03 khu vệ sinh chung (nam - nữ - dành riêng cho người khó tiếp cận).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

c) Hạng mục Khối lớp học bộ môn (kí hiệu BM01 & BM02; số lượng 02):

- Kiến trúc (tính cho 1 hạng mục): Diện tích xây dựng khoảng 542,9m², tổng diện tích sàn khoảng 1.091,4m²; 02 tầng nổi; chiều cao công trình 9,2m so với cốt 0,00; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng 0,45m; bố trí công năng công trình bao gồm 07 phòng học và 01 khu vệ sinh chung (nam - nữ - dành riêng cho người khó tiếp cận).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

d) Hạng mục Khối hành chính và phụ trợ - Phục vụ học tập (kí hiệu HB; số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $1.186,1\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $3.171,2\text{m}^2$; 03 tầng nổi; chiều cao công trình $15,1\text{m}$ so với cốt $0,00$; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng $1,05\text{m}$; bố trí công năng công trình bao gồm các phòng làm việc, phòng chức năng cửa hành chính hiệu bộ trưởng, các phòng thư viện hỗ trợ học tập, khu vệ sinh chung.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng băng 1 phương + móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

đ) Hạng mục Khối nhà đa năng (kí hiệu DN; số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $1.258,1\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.258,1\text{m}^2$; 01 tầng nổi; chiều cao công trình 11m so với cốt $0,00$; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng $0,75\text{m}$; bố trí công năng công trình bao gồm không gian đa năng, sân khấu, khu vệ sinh, khu vực thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn senô BTCT chịu lực, mái vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

e) Hạng mục Bể bơi (kí hiệu BB; số lượng 01):

- Phần hồ bơi: 01 tầng nổi; chiều cao công trình $1,4\text{m}$; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè $0,75\text{m}$.

- Phần nhà vòm: Diện tích xây dựng phần nhà vòm là $670,4\text{m}^2$; 01 tầng nổi, có chiều cao là $8,3\text{m}$ so với cốt $0,00$. tính từ cos nền công trình.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT, mái vòm lợp tôn, cột chịu lực thép hình I, hệ kèo thép liên kết tổ hợp dạng vòm, xung quanh để trống, không xây tường hay bố trí cửa.

- Phần hoàn thiện: Mái lợp tôn lạnh, dày 5 zem, lợp cong theo hệ vì kèo thép liên kết tổ hợp dạng vòm đỡ mái. Cột thép và hệ vì kèo thép sơn tĩnh điện, 2 đầu hồi bọc tole che dày 5 zem.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

g) Hạng mục Nhà xe (kí hiệu: NX01...NX07; số lượng 07):

- Kiến trúc (tính cho 1 hạng mục): Diện tích xây dựng khoảng $157,8\text{m}^2$; 01 tầng nổi; chiều cao công trình 3m so với cốt $0,00$; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng $0,2\text{m}$; bố trí công năng đỗ xe.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm chịu lực là thép, mái thép, lợp tôn. Nền bê tông hoàn thiện.

- Phần hoàn thiện: nền nhà xe đổ bê tông nền đá $1 \times 2 \text{ m}200$ láng vữa xin măng

tạo nhám hoàn thiện. Mái lợp tôn lạnh mạ màu sóng vuông dày 5 zem.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

h) Hạng mục Hành lang cầu nối (kí hiệu HL; số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $876,6\text{m}^2$; Tổng diện tích sàn khoảng $876,6\text{m}^2$, 01 tầng nổi; chiều cao đoạn điển hình 4,83m; chiều cao đoạn giao nhau với đường giao thông PCCC 5,83m; cốt nền xây dựng công trình cao bằng cốt vỉa hè. Xây dựng mới hành lang cầu nối kết nối khu nhà hiệu bộ, khối hành chính, khối phục vụ học tập với các khối nhà lớp học, nhà ăn, khối nhà ở công vụ giáo viên và các khối nhà nội trú học sinh.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

i) Hạng mục Nhà bảo vệ - Cổng chính (kí hiệu BV-CC; số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng nhà bảo vệ $14,5\text{m}^2$, 01 tầng nổi gắn với cổng chính. Chiều cao toàn bộ công trình 5,25m. Cổng chính bao gồm 01 lối vào chính và 2 lối vào phụ. Chiều cao thông thủy lối vào chính là 4,75m đảm bảo lưu thông xe chữa cháy tiếp cận.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

k1) Hạng mục khối nhà ở học sinh (kí hiệu KT01, KT02; số lượng: 02):

- Kiến trúc (tính cho 1 hạng mục): Diện tích xây dựng khoảng $673,7\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.967,9\text{m}^2$; 03 tầng nổi; chiều cao công trình 13,20m so với cốt 0,00; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng 0,45m; bố trí công năng công trình gồm 1 phòng sinh hoạt chung và 17 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn kết hợp móng đôi bằng BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

k2) Hạng mục khối nhà ở học sinh (kí hiệu KT03, KT04; số lượng: 02):

- Kiến trúc (tính cho 1 hạng mục): Diện tích xây dựng khoảng $673,7\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.967,9\text{m}^2$; 03 tầng nổi; chiều cao công trình 13,20m so với cốt 0,00; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng 0,45m; bố trí công năng công trình gồm 1 phòng sinh hoạt chung và 17 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn kết hợp móng đôi bằng BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn

BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

l) Hạng mục Khối nhà ở công vụ giáo viên (kí hiệu CV; số lượng: 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $491,8\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $491,8\text{m}^2$; 03 tầng nổi; chiều cao công trình 13,20m so với cốt 0,00; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 1 phòng sinh hoạt chung và 22 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đôi BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

m) Hạng mục dân dụng Nhà ăn (kí hiệu: AN; số lượng: 01)

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $2.054,3\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $2.054,3\text{m}^2$; số tầng cao 01; chiều cao công trình 8,20m so với cốt 0,00; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng 0,75m; bố trí công năng công trình gồm 01 phòng ăn, bếp nấu và 02 khu vệ sinh chung (nam - nữ).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

n) Hạng mục dân dụng Nhà văn hóa – Hội trường (kí hiệu: VH, số lượng: 01)

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $855,3\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $855,3\text{m}^2$; 01 tầng nổi; chiều cao công trình 17m so với cốt 0,00; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng 0,75m; bố trí công năng công trình: gồm không gian sinh hoạt + sân khấu, wc + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

o) Hạng mục Nhà đặt máy bơm – Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC (kí hiệu: BN, số lượng: 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng $132,0\text{m}^2$, công trình bao gồm 2 phần:

- + Bể nước ngầm PCCC: Bể nước ngầm chứa nước bao gồm bể nước PCCC và sinh hoạt diện tích xây dựng bể nước là $132,0\text{m}^2$

- + Nhà đặt máy bơm (đặt trên bể nước ngầm PCCC): Diện tích xây dựng $34,7\text{m}^2$; 01 tầng nổi; chiều cao công trình 3,6m so với cốt 0,00; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè 0,55m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng bè BTCT đặt trên nền đất tự nhiên. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

p) Hạng mục Đài nước (kí hiệu: ĐN, số lượng: 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng $32,0\text{m}^2$; diện tích sàn $64,0\text{m}^2$; Số tầng cao 02 tầng; chiều cao công trình 21,1m so với cốt 0,00; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng 0,5m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

q) Hạng mục Trạm xử lý nước thải (kí hiệu: NT, số lượng: 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng $75,1\text{m}^2$, công suất $60\text{m}^3/\text{ngày}$ công trình bao gồm 2 phần:

- + Bể nước xử lý nước thải: Bể bán ngầm, diện tích xây dựng $75,1\text{m}^2$.

- + Nhà đặt máy bơm: diện tích xây dựng 18m^2 ; 01 tầng nổi; chiều cao công trình 3,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè 1,7m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng bè BTCT đặt trên nền đất tự nhiên. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

r) Hạng mục Tường rào (kí hiệu HR; số lượng 01):

- Tường rào xây dựng mới với tổng chiều dài khoảng 1057m.

- Kết cấu trụ tường rào BTCT, móng trụ móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên. Tường toàn bộ tường xây bằng gạch bê tông không nung (mác gạch tối thiểu 5.0), xây và trát bằng vữa xi măng B5.

3.2. Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) San nền: San gạt cục bộ khu đất theo hướng dốc chính từ Nam ra Bắc, khối lượng đất sau khi san gạt, thừa khoảng $1.044,49\text{m}^3$.

b) Hệ thống đường giao thông nội bộ, sân trường: Xây dựng các tuyến đường giao thông, sân trường, kết cấu bằng BTXM (riêng sân lễ hội, sân thể thao, sân bóng chỉ san gạt, lu lèn tạo mặt bằng), đường kết nối cổng chính vào đường hiện trạng bằng BTXM với diện tích khoảng $1.832,78\text{m}^2$. Bó vỉa bồn hoa xây gạch, trát vữa xi măng.

c) Hệ thống cấp điện:

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp có công suất 320kVA-22/0,4kV để cấp điện cho dự án.

- Thiết kế hệ thống cấp điện ngoài nhà và chiếu sáng sân đường nội bộ.

d) Hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC:

- Hiện trạng khu vực chưa có hệ thống nước sạch, thiết kế bố trí tuyến ống chờ cấp nước HDPE D63 từ công đến bể nước ngầm. Khi hệ thống hạ tầng khu vực đồng bộ sẽ đấu nối đường ống cấp nước.

- Cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ các khối nhà bằng giếng khoan. Nước sạch sau khi xử lý được bơm từ bể lên đài nước sau đó theo các tuyến ống PVC DN50, DN25 bơm tới các vị trí các khối nhà để cấp nước sinh hoạt.

e) Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Xây dựng tuyến cống BTCT D400mm, D600mm, D800mm dọc theo các tuyến đường giao thông để thu nước mưa sau đó thoát về 02 vị trí chờ đầu nối phía Đông và Tây dự án.

+ Xây dựng các tuyến mương BTCT B400 tại vị trí thấp của các sân chào cờ, sân của các khối nhà rồi đầu vào hệ thống thoát nước mưa chung của dự án.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Hệ thống nước thải thiết kế đi riêng với nước mưa. Nước thải của dự án được dẫn về bể xử lý nước thải bằng ống nhựa HDPE D200. Vị trí ống qua đường thiết kế ống lồng STK D250 bảo vệ ống HDPE thoát nước thải.

+ Nước thải xám được thu gom theo hệ thống dẫn về vị trí hệ thống xử lý nằm phía Đông Bắc dự án, nước thải sau khi xử lý thoát về hồ điều hòa. Nước thải đen được xử lý bằng bể hợp khối 5 ngăn tại vị trí các khối nhà sau đó thoát về hồ tự thấm.

- + Bố trí nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 9m².

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do đơn vị tư vấn lập, chủ đầu tư trình thẩm định tại Tờ trình số 51/TTr-BQLDA ngày 07/11/2025, được Sở Xây dựng Gia Lai thẩm định và trình duyệt tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 18/12/2025).

PHỤ LỤC 04: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia Nan

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

1. Địa điểm xây dựng: Quốc lộ 14C, thuộc thôn Ia Dao, xã Ia Nan, tỉnh Gia Lai, có diện tích khoảng 69.924,7m² (khoảng 6,99ha) và có giới cận: Phía Bắc đường quy hoạch, lộ giới 16m; phía Nam giáp đường quy hoạch, lộ giới 20m; phía Đông đường quốc lộ 14c, lộ giới 32m; phía Tây phía nam giáp đường quy hoạch, lộ giới 20m.

2. Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc (Theo đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được duyệt):

- Cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau:

STT	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	15.502,5	22,2
2	Đất sân, đường giao thông nội bộ	17.234,4	24,6
3	Đất cây xanh cảnh quan; sân thể dục, thể thao	20.981,0	30,0
	<i>Cây xanh cảnh quan</i>	15.257,0	
	<i>Sân thể dục, thể thao</i>	5.724,0	
4	Đất dự phòng phát triển	16.211,1	23,2
Tổng diện tích đất		69.924,7	100,0

- Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc:

+ Quy mô xây dựng: Xây dựng mới Trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở xã Ia Nan, với quy mô 840 học sinh bao gồm các khu chức năng: Khối phòng học; khối phòng phục vụ học tập; khối phòng hành chính quản trị; khu sân chơi, bãi tập; khu vệ sinh và khu để xe; khu phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất: $\geq 10\text{m}^2/\text{học sinh}$.

+ Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.

+ Tầng cao xây dựng: 1-5 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất: tối đa 0,5 lần.

+ Tỷ lệ cây xanh: $\geq 30\%$.

3. Quy mô đầu tư xây dựng:

STT	Tên hạng mục	Kí hiệu	Đơn vị tính	Diện tích xây dựng	Tổng diện tích sàn	Số lượng	Tầng cao
I.1	Khối phòng học tập						

1	Khối học lý thuyết tiểu học 02 tầng 8 phòng	LT01	m ²	542,8	1.090,0	1	2
2	Khối học lý thuyết tiểu học 02 tầng 9 phòng	LT02	m ²	542,8	1.090,0	1	2
3	Khối học lý thuyết THCS 02 tầng 9 phòng	LT03	m ²	542,8	1.090,0	1	2
4	Khối học bộ môn tiểu học 02 tầng 07 phòng	BM01	m ²	542,9	1.091,4	1	2
5	Khối học bộ môn THCS 02 tầng 07 phòng	BM02	m ²	542,9	1.091,4	1	2
I.2	Khối phòng hỗ trợ học tập						
6	Khối hành chính - phụ trợ	HB	m ²	989,1	2.560,2	1	3
7	Nhà đa năng	ĐN	m ²	1.258,1	1.258,1	1	1
8	Bể bơi	BB	m ²	670,4	670,4	1	1
I.3	Khối phục vụ sinh hoạt						
9	Nhà ăn	AN	m ²	1.177,4	1.177,4	1	1
10	Nhà ở học sinh 02 tầng 12 phòng	KT01	m ²	673,9	1321	1	2
11	Nhà ở học sinh 03 tầng 18 phòng	KT02	m ²	673,7	1.967,9	1	3
12	Nhà ở học sinh 03 tầng 18 phòng	KT02	m ²	673,7	1.967,9	1	3
13	Nhà ở công vụ cho giáo viên 02 tầng 18 phòng	CV	m ²	590	1.175,6	1	2
14	Nhà văn hóa	VH	m ²	855,3	855,3	1	1
I.4	Khối phụ trợ						
15	Nhà xe	NX01	m ²	157,8	157,8	1	1
		NX02	m ²	157,8	157,8	1	1
		NX03	m ²	157,8	157,8	1	1
		NX04	m ²	157,8	157,8	1	1
16	Nhà thường trực & công chính	CC	m ²	14,5	14,5	1	1
17	Hành lang nối	HL	m ²	721,6	721,6	1	1
I.5	Khu hạ tầng kỹ thuật						
18	Trạm biến áp	TBA	m ²	10,0	10,0	1	1
19	Nhà đặt máy bơm (đặt trên nắp bể nước)	BN	m ²	34,7	34,7	1	1
	Khu bể nước sinh hoạt & bể nước PCCC		m ²	132,0	158,0	1	Ngầm
20	Đài nước	ĐA	m ³	20,0	20,0	1	5
21	Nhà chứa chất thải nguy hại	NT	m ²	9,0	9,0	1	1
22	Tường rào	HR	m	1.060		1	

3.1. Phần công trình:

a) Hạng mục dân dụng (Khối lớp học lý thuyết: 2 tầng 8 phòng) (LT01, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 542,8m², tổng diện tích sàn khoảng

1090m²; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 8 phòng học, 02 phòng nghỉ giáo viên và 02 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

b) Hạng mục dân dụng (Khối lớp học lý thuyết: 2 tầng 9 phòng) (LT02-LT03, số lượng 02):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 542,8m², tổng diện tích sàn khoảng 1.090m²; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 9 phòng học, 02 phòng nghỉ giáo viên và 01 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

c) Hạng mục dân dụng (Khối học bộ môn: 2 tầng 7 phòng) (BM01-BM02, số lượng 02):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng mỗi hạng mục khoảng 542,9 m², tổng diện tích sàn mỗi hạng mục khoảng 1.091,4m²; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 7 phòng học và 01 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

d) Hạng mục dân dụng (Khối hành chính và phụ trợ - Phục vụ học tập) (HBM, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 989,1m², tổng diện tích sàn khoảng 2.560,2m²; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 15,1m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 1,05m; bố trí công năng công trình: gồm các phòng làm việc, phòng chức năng của hành chính hiệu bộ trường, các phòng thư viện hỗ trợ học tập, khu vệ sinh chung.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng băng 1 phương + móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

e) Hạng mục dân dụng (Khối nhà đa năng) (DNM, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $1.258,1\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.258,1\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 11,75m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; bố trí công năng công trình: gồm không gian đa năng + sân khấu, wc + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn senô BTCT chịu lực, mái vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

g) Hạng mục dân dụng (Bể bơi) (BB, số lượng 01):

- Kiến trúc: Sử dụng loại hồ bơi lắp ráp, có thể di dời

- Diện tích xây dựng khoảng $670,4\text{m}^2$; diện tích sàn sử dụng: khoảng $670,4\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,30m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT, hình thức kiến trúc công trình đơn giản, mái vòm lợp tôn, cột chịu lực thép hình i, hệ kèo thép liên kết tổ hợp dạng vòm, xung quanh để trống, không xây tường hay bố trí cửa.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước.

h) Hạng mục dân dụng (Nhà xe, số lượng 04), Nhà để xe số 1: kí hiệu NX01, số lượng 01; Nhà để xe số 2: kí hiệu NX02, số lượng 01; Nhà để xe số 3: kí hiệu NX03, số lượng 01; Nhà để xe số 4: kí hiệu NX04.

- Kiến trúc: Diện tích sàn xây dựng khoảng $157,8\text{m}^2$; tổng diện tích sàn sử dụng khoảng $157,8\text{m}^2$ chiều cao công trình: 3,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,2m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm chịu lực là thép, mái thép, lợp tôn. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

i) Hạng mục dân dụng (Hành lang cầu nối) (HL, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $721,6\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $721,6\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao đoạn điển hình: 4,83m; chiều cao đoạn giao nhau với đường giao thông pccc 5,83m, cốt nền xây dựng công trình bằng cốt vỉa hè; bố trí công năng công trình: Xây dựng mới hành lang cầu nối kết nối khu nhà hiệu bộ, khối hành chính, khối phục vụ học tập với các khối nhà lớp học, nhà ăn, khối nhà ở công vụ giáo viên và các khối nhà nội trú học sinh nhằm phục vụ việc di chuyển giữa các khối nhà cho giáo viên cũng như học sinh trong những ngày thời tiết mưa gió, nắng nóng.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái

BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

j) Hạng mục dân dụng (Nhà bảo vệ - Cổng chính) (NBV-CC, số lượng 01):

- Kiến trúc: Nhà bảo vệ gắn với cổng chính xây dựng mới có quy mô 01 tầng. Diện tích xây dựng nhà bảo vệ $14,5m^2$, diện tích sàn khoảng $14,5m^2$. Chiều cao toàn bộ công trình 5,25m. Cổng chính bao gồm 01 lối vào chính và 2 lối vào phụ. Chiều cao thông thủy lối vào chính là 4,75m đảm bảo lưu thông xe chữa cháy tiếp cận.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

k) Hạng mục dân dụng (Khối nhà ở học sinh) (KT01, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $673,9m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.321m^2$; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,5m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 1 phòng sinh hoạt chung và 11 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

l) Hạng mục dân dụng (Khối nhà ở học sinh) (KT02-KT03, số lượng 02):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $673,7m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.967,9m^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 13,20m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 1 phòng sinh hoạt chung và 17 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

m) Hạng mục dân dụng (Khối nhà ở công vụ giáo viên) (CV, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $590m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.175,6m^2$; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 13,20m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 1 phòng sinh hoạt chung và 18 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đôi BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

n) Hạng mục dân dụng (Nhà ăn) (NAM, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $1.177,4\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.177,4\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,20m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; bố trí công năng công trình: gồm 01 phòng ăn phục vụ tối đa 840 học sinh, bếp nấu và 02 khu vệ sinh chung (nam - nữ).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

o) Hạng mục dân dụng (Nhà văn hóa – Hội trường) (VHM, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $855,3\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $855,3\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 17,75m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm không gian sinh hoạt + sân khấu, wc + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

t) Hạng mục dân dụng (Nhà đặt máy bơm – Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC) (NMB, số lượng 01):

- Kiến trúc: công trình bao gồm 2 phần:

+ Bể nước ngầm pccc: bể nước ngầm chứa nước bao gồm bể nước pccc và sinh hoạt diện tích xây dựng bể nước là: 132m^2 , diện tích sàn là 158m^2 tổng thể tích bể: 266m^3 . Trong đó bể nước pccc 126m^3 , bể nước sinh hoạt 140m^3 ; cốt mặt bể bằng cốt vỉa hè.

+ Nhà đặt máy bơm: diện tích xây dựng: $34,7\text{m}^2$; diện tích sàn: $34,7\text{m}^2$ số tầng cao: 01; chiều cao công trình 4,15m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng bè BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

s) Hạng mục dân dụng (Đài nước) (ĐN, số lượng 01):

- Kiến trúc: diện tích xây dựng: 32m^2 ; diện tích sàn: 64m^2 ; đài nước: 20m^3 , chiều cao công trình 20m; số tầng cao: 5 tầng; cốt nền xây dựng công trình so với cốt vỉa hè: 0,0m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái

BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

t) Hạng mục dân dụng (hàng rào) (TR, số lượng 1):

- Tường rào xây dựng mới với tổng chiều dài là 1.060m, là tường rào xây kín cao 2,3m.

- Kết cấu trụ tường rào BTCT, móng trụ móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên. Tường toàn bộ tường xây bằng gạch bê tông không nung (mác gạch tối thiểu 5.0), xây và trát bằng vxm B5.

3.2. Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

- San nền: San gạt cục bộ khu đất theo hướng dốc chính từ Bắc vào Nam, khối lượng đất sau khi san gạt, thừa khoảng 8.709,12m³.

- Hệ thống đường giao thông nội bộ, sân trường: Xây dựng các tuyến đường giao thông, sân trường, kết cấu bằng BTXM (riêng sân lễ hội, sân thể thao, sân bóng chỉ san gạt, lu lèn tạo mặt bằng); đường chuyển tốc bằng BTN C16; đường kết nối cổng trường vào đường chuyển tốc bằng BTXM. Bó vỉa bồn hoa xây gạch, trát vữa Xi măng.

- Hệ thống cấp điện:

+ Xây dựng mới 01 trạm biến áp có công suất 250kVA-22/0,4kV để cấp điện cho dự án.

- + Thiết kế hệ thống cấp điện ngoài nhà và chiếu sáng sân đường nội bộ.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC:

+ Hiện trạng khu vực chưa có hệ thống nước sạch, thiết kế bố trí tuyến ống chờ cấp nước HDPE D63 từ cổng đến bể nước ngầm. Khi hệ thống hạ tầng khu vực đồng bộ sẽ đấu nối đường ống cấp nước.

+ Cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ các khối nhà bằng giếng khoan. Nước sạch sau khi xử lý được bơm từ bể lên đài nước sau đó theo các tuyến ống PVC DN50, DN25 bơm tới các vị trí các khối nhà để cấp nước sinh hoạt.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Xây dựng tuyến cống BTCT D400mm, D600mm, D800mm dọc theo các tuyến đường giao thông để thu nước mưa sau đó thoát về tuyến mương hiện trạng dọc đường Quốc Lộ 14C.

+ Xây dựng đoạn mương bê tông, tuyến cống D1000 hoàn trả tại vị trí đấu nối cống chính với đường Quốc Lộ 14C.

+ Xây dựng các tuyến mương BTCT B400 tại vị trí thấp của các sân chào cờ, sân của các khối nhà rồi đấu nối hệ thống thoát nước mưa chung của dự án

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Hệ thống nước thải thiết kế đi riêng với nước mưa. Nước thải của dự án được dẫn về bể xử lý nước thải bằng ống nhựa HDPE D200. Vị trí ống qua đường thiết kế ống lồng STK D250 bảo vệ ống HDPE thoát nước thải.

+ Nước thải xám được thu gom theo hệ thống dẫn về vị trí bể tự hoại 5 ngăn cải tiến xử lý nằm phía Nam dự án, nước thải sau khi xử lý thoát tuyến mương hiện trạng dọc đường Quốc Lộ 14C. Nước thải đen được xử lý bằng bể hợp khối 5 ngăn tại vị trí các khối nhà sau đó thoát về hồ tự thấm.

+ Bố trí nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 9m².

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do đơn vị tư vấn lập, chủ đầu tư trình thẩm định tại Tờ trình số 51/TTr-BQLDA ngày 07/11/2025, được Sở Xây dựng Gia Lai thẩm định và trình duyệt tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 18/12/2025).

PHỤ LỤC 05: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia Dom

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

1. Địa điểm xây dựng và chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc (Theo đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt): Khu đất xây dựng công trình tại thôn Mook Trang, xã Ia Dom, tỉnh Gia Lai, có diện tích khoảng 68.105,9 m² (khoảng 6,81ha) và có giới cận: Phía Bắc giáp đường quy hoạch lộ giới 20m; phía Nam giáp đường quy hoạch lộ giới 20m; phía Đông giáp đường quy hoạch lộ giới 25m; phía Tây giáp đất quy hoạch khu ở và đường quy hoạch lộ giới 13m.

2. Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc (Theo đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được duyệt):

- Cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau:

STT	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	16.382	24,1
2	Đất sân, đường giao thông nội bộ	18.292	26,9
3	Đất cây xanh cảnh quan; sân thể dục, thể thao	21.576	31,7
	<i>Cây xanh cảnh quan</i>	17.986	
	<i>Sân thể dục, thể thao</i>	3.590	
4	Đất dự phòng phát triển	11.856	17,4
Tổng diện tích đất		68.105,9	100,0

- Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc:
- Mật độ xây dựng: 24,1%.
- Tầng cao xây dựng công trình: Từ 01 đến 03 tầng.
- Khoảng lùi của công trình > 6m.

2. Quy mô đầu tư xây dựng:

BẢNG THỐNG KÊ HẠNG MỤC XÂY DỰNG					
Kí hiệu	Tên hạng mục	Tầng cao	Số lượng	Diện tích xây dựng (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)
I	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG			13.461	24.461
I.1	Khối phòng học tập				
LT01	Nhà lớp học lý thuyết Tiểu học 3 tầng 12 phòng	3	1	542,8	1.623,6
LT02	Nhà lớp học lý thuyết Tiểu học 3 tầng 13 phòng	3	1	542,8	1.623,6
LT03	Nhà lớp học lý thuyết THCS 3 tầng 13 phòng	3	1	542,8	1.623,6

BM01	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 7 phòng	2	1	542,9	1.091,4
BM02	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 7 phòng	2	1	542,9	1.091,4
DK01	Nhà lớp học dự kiến (Dự phòng phát triển GD2)	3	1	542,8	1.623,6
I.2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
HB	Khối hành chính - Khối phục vụ học tập (không bao gồm Nhà đa năng, phụ trợ) (Trên 1000 HS)	3	1	1.186,1	3.171,2
ĐN	Nhà đa năng	1	1	1.258,1	1.258,1
BB	Bể bơi	1	1	670,4	670,4
I.3	Khối phục vụ sinh hoạt				
AN	Nhà ăn (Trên 1000 HS)	1	1	2.054,3	2.054,3
KT01	Nhà nội trú học sinh 3 tầng 18 phòng	3	1	673,7	1.967,9
KT02	Nhà nội trú học sinh 2 tầng 12 phòng	2	1	673,9	1.321,0
KT03	Nhà nội trú học sinh 2 tầng 12 phòng	2	1	673,9	1.321,0
CV	Nhà ở công vụ cho giáo viên 3 tầng 22 phòng	3	1	491,8	1.466,0
VH	Nhà văn hóa	1	1	855,3	855,3
I.4	Khối phụ trợ				
NX	Nhà để xe	1	5	789,0	789,0
CC	Cổng chính - Nhà bảo vệ	1	1	14,5	14,5
HL	Hành lang cầu nối	1	1	654,75	654,75
I.5	Khu hạ tầng kỹ thuật				
TBA	Trạm biến áp			10,0	10,0
BN	Nhà đặt máy bơm	1	1	34,7	34,7
	Bể nước chứa cháy, bể nước sinh hoạt	1 bể ngầm	1	123,0	123,0
ĐA	Đài nước	5	1	32,0	64,0
NT	Nhà chứa chất thải nguy hại	1	1	9,0	9,0
HR	Tường rào	1	1	1.135(m dài)	

3.1. Phân dân dụng

a) Khối lớp học lý thuyết Tiểu học (kí hiệu LT01, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $542,8\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.623,6\text{m}^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,8m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm 12 phòng học, 03 phòng nghỉ giáo viên và 03 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

b) Khối lớp học lý thuyết Tiểu học (kí hiệu LT02, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $542,8\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.623,6\text{m}^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,8m; cốt nền xây dựng công

trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm 13 phòng học, 03 phòng nghỉ giáo viên và 02 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

c) Khối lớp học lý thuyết THCS (kí hiệu LT03, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $542,8\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.623,6\text{m}^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,8m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm 13 phòng học, 03 phòng nghỉ giáo viên và 02 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

d) Khối lớp học Bộ môn (kí hiệu BM01, BM02, số lượng 02):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng mỗi hạng mục khoảng $542,9\text{m}^2$, tổng diện tích sàn mỗi hạng mục khoảng $1.091,4\text{m}^2$; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm 7 phòng học, 01 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

đ) Khối hành chính và phụ trợ - Khối hỗ trợ học tập (kí hiệu HB, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $1.186,1\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $3.171,2\text{m}^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 15,1m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 1,05m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm các phòng làm việc, phòng chức năng của hành chính hiệu bộ trường, các phòng thư viện hỗ trợ học tập, khu vệ sinh chung

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng băng 1 phương + móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

e) Khối nhà đa năng (kí hiệu ĐN, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $1.258,1\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.258,1\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 11,75m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm không gian đa năng + sân khấu, wc + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn senô BTCT chịu lực, mái vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

f) Bể bơi (kí hiệu BB, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $670,40\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $670,40\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,3m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,15m; bố trí công năng công trình: Công năng bao phần hồ bơi lắp ráp, có thể di dời và phần nhà vòm, khung thép, mái tole che hồ bơi bên dưới

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT, hình thức kiến trúc công trình đơn giản, mái vòm lợp tôn, cột chịu lực thép hình I, hệ kèo thép liên kết tổ hợp dạng vòm, xung quanh để trống, không xây tường hay bố trí cửa

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

g) Nhà ăn (kí hiệu AN, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $2.054,3\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $2.054,3\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm 01 phòng ăn phục vụ tối đa 1260 học sinh, bếp nấu và 02 khu vệ sinh chung (nam-nữ)

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

i) Khối nhà ở học sinh 3T18P (kí hiệu KT01, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $673,7\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.967,9\text{m}^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 13,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm 01 phòng sinh hoạt chung, 17 phòng ở dành cho học sinh

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

h) Khối nhà ở học sinh 2T12P (kí hiệu KT02, KT03, số lượng 02):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng mỗi hạng mục khoảng $673,9m^2$, tổng diện tích sàn mỗi hạng mục khoảng $1.321m^2$; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,5m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm 01 phòng sinh hoạt chung, 11 phòng ở dành cho học sinh

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

k) Khối nhà ở công vụ giáo viên (kí hiệu CV, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $491,8m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.466m^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 13,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm 01 phòng sinh hoạt chung, 22 phòng ở dành cho giáo viên.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đôi BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

l) Nhà văn hóa - Hội trường (kí hiệu VH, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $855,3m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $855,3m^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 17,75m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm không gian sinh hoạt + sân khấu, khu vệ sinh + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

m) Nhà xe (kí hiệu NX, số lượng 05):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng mỗi hạng mục khoảng $157,8m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $789m^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 3,0m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,20m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm nhà để xe dành cho giáo viên và học sinh.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm chịu lực là thép, mái thép, lợp tôn. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

n) Nhà bảo vệ - Cổng chính (kí hiệu CC, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $14,50m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $14,50m^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 5,25m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,25m; bố trí công năng công trình: Công năng bao gồm công ra vào chính và nhà bảo vệ.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

p) Hành lang cầu nối (kí hiệu HL, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $654,75m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $654,75m^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 4,83m đến 5,83m; cốt nền xây dựng công trình cao bằng cốt vỉa hè: 0,00m; bố trí công năng công trình: Xây dựng mới hành lang cầu nối kết nối khu nhà hiệu bộ, khối hành chính, khối phục vụ học tập với các khối nhà lớp học, nhà ăn, khối nhà ở công vụ giáo viên và các khối nhà nội trú học sinh nhằm phục vụ việc di chuyển giữa các khối nhà cho giáo viên cũng như học sinh trong những ngày thời tiết mưa gió, nắng nóng.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

q) Bể nước chữa cháy, bể nước sinh hoạt và nhà đặt máy bơm (kí hiệu BN, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng bể nước pccc và sinh hoạt khoảng $123m^2$; số tầng cao: 01 tầng nổi + 01 bể ngầm; chiều cao công trình: 4,15m; cốt nền xây dựng công trình hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: Bể nước PCCC, bể nước sinh hoạt và nhà đặt máy bơm được xây dựng trên khu đất có diện tích $123m^2$, công trình bao gồm 2 phần:

+ Phần bể chứa nước ngầm dưới mặt đất: Bể nước ngầm chứa nước bao gồm bể nước PCCC và sinh hoạt (tổng thể tích bể: $266m^3$, trong đó bể pccc: $126m^3$, bể sinh hoạt: $140m^3$)

+ Phần nhà đặt máy bơm nổi phía trên bể nước ngầm: Diện tích xây dựng: $34,70m^2$; cao 4,15m so với cote sân đất tự nhiên.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng bè BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

r) Đài nước (kí hiệu ĐA, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $32m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $64m^2$; chiều cao công trình: 21,1m; cốt nền xây dựng công trình cao bằng cốt vỉa

hè: 0,30m; bố trí công năng công trình: Xây dựng đài nước đặt bồn chứa nước phục vụ nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho công trình.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

s) Tường rào (kí hiệu HR, số lượng 01):

- Tường rào xây dựng mới với tổng chiều dài là 1135m, là tường rào xây kín cao 2,3m.

- Kết cấu trụ tường rào BTCT, móng trụ móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên. Tường toàn bộ tường xây bằng gạch bê tông không nung (mác gạch tối thiểu 5.0), xây và trát bằng vxm B5.

3.2. Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) San nền: San gạt cục bộ khu đất dọc theo hướng dốc chính từ Nam ra Bắc, khối lượng đất sau khi san gạt, thiếu khoảng 7.554,67m³.

b) Hệ thống đường giao thông nội bộ, sân trường: Xây dựng các tuyến đường giao thông, sân trường, kết cấu bằng BTXM (riêng sân lễ hội, sân thể thao, sân bóng chỉ san gạt, lu lèn tạo mặt bằng), đường kết nối từ đường BTN hiện hữu vào trước cổng trường bằng BTN C16, đường kết nối từ cổng trường vào đường kết nối bằng BTXM. Bó vỉa bồn hoa xây gạch, trát vữa Xi măng.

c) Hệ thống cấp điện:

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp có công suất 250kVA-22/0,4kV để cấp điện cho dự án.

- Thiết kế hệ thống cấp điện ngoài nhà và chiếu sáng sân đường nội bộ.

d) Hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC:

- Hiện trạng khu vực chưa có hệ thống nước sạch, thiết kế bố trí tuyến ống chờ cấp nước HDPE D63 từ cổng đến bể nước ngầm. Khi hệ thống hạ tầng khu vực đồng bộ sẽ đấu nối đường ống cấp nước.

- Cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ các khối nhà bằng giếng khoan. Nước sạch sau khi xử lý được bơm từ bể lên đài nước sau đó theo các tuyến ống PVC DN50mm, DN25mm bơm tới các vị trí các khối nhà để cấp nước sinh hoạt.

e) Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa:

- + Xây dựng tuyến cống BTCT D400mm, D600mm, D800mm dọc theo các tuyến đường giao thông để thu nước mưa sau đó thoát về tuyến mương hoàn trả phía Bắc dự án.

+ Xây dựng đoạn mương đất, tuyến cống D1.000mm hoàn trả tại vị trí đầu nối cống chính với đường kết nối bằng BTN được xây mới.

+ Xây dựng các tuyến mương BTCT B400mm tại vị trí thấp của các sân chào cờ, sân của các khối nhà rồi đầu vào hệ thống thoát nước mưa chung của dự án.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Hệ thống nước thải thiết kế đi riêng với nước mưa. Nước thải của dự án được dẫn về bể xử lý nước thải bằng ống nhựa HDPE D200. Vị trí ống qua đường thiết kế ống lồng STK D250 bảo vệ ống HDPE thoát nước thải.

+ Nước thải xám được thu gom theo hệ thống dẫn về vị trí bể xử lý nằm phía Đông Bắc dự án, nước thải sau khi xử lý thoát về mương hoàn trả. Nước thải đen được xử lý bằng bể 5 ngăn tại vị trí các khối nhà sau đó thoát về hồ tự thấm.

+ Bố trí nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 9m².

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do đơn vị tư vấn lập, chủ đầu tư trình thẩm định tại Tờ trình số 51/TTr-BQLDA ngày 07/11/2025, được Sở Xây dựng Gia Lai thẩm định và trình duyệt tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 18/12/2025).

PHỤ LỤC 06: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia Chia

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

1. Địa điểm xây dựng và chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc (Theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định): làng Lang, xã Ia Chia, tỉnh Gia Lai, có diện tích khoảng 100.056,2m² (khoảng 10,01ha) và có giới cận: Phía Bắc giáp: đường quy hoạch, lộ giới 20m; Phía Nam giáp: đường quy hoạch, lộ giới 14m; Phía Đông giáp: đường quy hoạch, lộ giới 20m; Phía Tây giáp: đường quy hoạch, lộ giới 20m.

2. Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc (Theo đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được duyệt):

- Cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau:

STT	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	12.258,5	12,3
2	Đất sân, đường giao thông nội bộ	25.309,2	25,3
3	Đất cây xanh cảnh quan; sân thể dục, thể thao	40.206,1	40,2
	<i>Cây xanh cảnh quan</i>	35.873,6	
	<i>Sân thể dục, thể thao</i>	4.332,5	
4	Đất dự phòng phát triển	22.282,4	22,3
Tổng diện tích đất		100.056,2	100,0

- Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc:

+ Diện tích lô đất: 100.056,2m².

+ Mật độ xây dựng: ≤ 12,3%.

+ Tầng cao xây dựng: 04 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất: 0,12.

+ Tỷ lệ cây xanh: 35,85%.

3. Quy mô đầu tư xây dựng:

STT	Tên hạng mục	Kí hiệu	Đơn vị tính	Diện tích xây dựng	Tổng diện tích sàn	Số lượng	Tầng cao
I.1	Khối phòng học tập						
1	Khối học lý thuyết tiểu học 02 tầng 09 phòng	LT01	m ² XD	542,8	1.090	1	2
2	Khối học lý thuyết tiểu học 02 tầng 09 phòng	LT02	m ² XD	542,8	1.090	1	2
3	Khối học lý thuyết THCS	LT03	m ² XD	542,8	1.623,6	1	3

	03 tầng 14 phòng						
4	Khối học bộ môn tiểu học 02 tầng 07 phòng	BM01	m ² XD	542,9	1.091,4	1	2
5	Khối học bộ môn THCS 02 tầng 07 phòng	BM02	m ² XD	542,9	1.091,4	1	2
6	Khối học lý thuyết 02 tầng 09 phòng (dự phòng phát triển GD2)	DK01	m ² XD				
I.2	Khối phòng hỗ trợ học tập						
7	Khối hành chính - phụ trợ	HB	m ² XD	989,1	2560,2	1	3
8	Nhà đa năng	ĐN	m ² XD	1.258,1	1.258,1	1	1
9	Bể bơi	BB	m ² XD	670,4	670,4	1	1
I.3	Khối phục vụ sinh hoạt						
10	Nhà ăn	AN	m ² XD	1177,4	1177,4	1	1
11	Nhà ở học sinh 04 tầng 20 phòng	KT01	m ² XD	576,6	2238,9	1	4
		KT02	m ² XD	576,6	2238,9	1	4
		KT03	m ² XD	576,6	2238,9	1	4
13	Nhà ở công vụ cho giáo viên 03 tầng 25 phòng	CV	m ² XD	542,2	1.615,0	1	3
14	Nhà văn hóa	VH	m ² XD	855,3	855,3	1	1
I.4	Khối phụ trợ						
15	Nhà xe giáo viên Nhà xe học sinh	NX01	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX02	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX03	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX04	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX05	m ² XD	157,8	157,8	1	1
18	Nhà thường trực & công chính	CC	m ² XD	14,5	14,5	1	1
19	Nhà thường trực & công phụ (dự phòng phát triển GD2)	CP	m ² XD				
20	Hành lang nối	HL	m ² XD	727,5	727,5	1	1
I.5	Khu hạ tầng kỹ thuật						
22	Trạm biến áp	TBA	m ² XD	10,0	10,0	1	1
23	Nhà đặt máy bơm (đặt trên nắp bể nước)	BN	m ² XD	34,7	34,7	1	1
	Khu bể nước sinh hoạt & bể nước pccc		m ² XD	148,0	0	1	Bán ngâm
24	Đài nước	ĐA	m ³	20,0	20,0	1	2
26	Nhà chứa chất thải nguy hại	NT	m ² XD	9,0	9,0	1	1
27	Tường rào	HR	m	1285		1	1

3.1) Phần công trình:

a) Hạng mục dân dụng (Khối lớp học lý thuyết) (LT01-LT02):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 542,8m², tổng diện tích sàn khoảng 1.090m²; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,55m; cốt nền xây dựng công trình

cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 9 phòng học, 02 phòng nghỉ giáo viên và 01 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

b) Hạng mục dân dụng (Khối lớp học lý thuyết) (LT03):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $542,8\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.623,6\text{m}^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 13,25m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 14 phòng học, 03 phòng nghỉ giáo viên và 01 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

c) Hạng mục dân dụng (Khối học bộ môn) (BM01&BM02):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $542,9\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $1.091,4\text{m}^2$; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,55m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 7 phòng học và 01 khu vệ sinh chung (nam - nữ - vệ sinh người khuyết tật).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

d) Hạng mục dân dụng (Khối hành chính và phụ trợ - Phục vụ học tập)(HB):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $989,1\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $2.560,2\text{m}^2$; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 15,1m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 1,05m; bố trí công năng công trình: gồm các phòng làm việc, phòng chức năng của hành chính hiệu bộ trường, các phòng thư viện hỗ trợ học tập, khu vệ sinh chung.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng băng 1 phương + móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

e) Hạng mục dân dụng (Khối nhà đa năng) (DN):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $1.258,1\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng

1.258,1m²; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 11,75m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; bố trí công năng công trình: gồm không gian đa năng + sân khấu, wc + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn senô BTCT chịu lực, mái vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

h) Hạng mục dân dụng (Bể bơi) (BB):

- Kiến trúc: Sử dụng loại hồ bơi lắp ráp, có thể di dời

- Diện tích xây dựng khoảng 670,4m²; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,45m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,15m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT, hình thức kiến trúc công trình đơn giản, mái vòm lợp tôn, cột chịu lực thép hình i, hệ kèo thép liên kết tổ hợp dạng vòm, xung quanh để trống, không xây tường hay bố trí cửa

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

f) Hạng mục dân dụng (Nhà xe) (NX01...NX05):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 157,8m²; chiều cao công trình: 3,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,2m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm chịu lực là thép, mái thép, lợp tôn. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

g) Hạng mục dân dụng (Hành lang cầu nổi) (HL):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 727,5m²; Tổng diện tích sàn khoảng 727,5m² Số tầng cao: 01; chiều cao đoạn điển hình: 4,83m; chiều cao đoạn giao nhau với đường giao thông PCCC: 5,83m, cốt nền xây dựng công trình bằng hơn cốt vỉa hè: -0,45m; bố trí công năng công trình: Xây dựng mới hành lang cầu nổi kết nối khu nhà hiệu bộ, khối hành chính, khối phục vụ học tập với các khối nhà lớp học, nhà ăn, khối nhà ở công vụ giáo viên và các khối nhà nội trú học sinh nhằm phục vụ việc di chuyển giữa các khối nhà cho giáo viên cũng như học sinh trong những ngày thời tiết mưa gió, nắng nóng.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

h) Hạng mục dân dụng (Nhà bảo vệ - Cổng chính)(BV-CC):

- Kiến trúc: Nhà bảo vệ gắn với cổng chính xây dựng mới có quy mô 01 tầng. Diện tích xây dựng nhà bảo vệ 14,5m². Chiều cao toàn bộ công trình 5,25m. Cổng

chính bao gồm 01 lối vào chính và 2 lối vào phụ. Chiều cao thông thủy lối vào chính là 4,75m đảm bảo lưu thông xe chữa cháy tấp cậ

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

i) Hạng mục dân dụng (Khối nhà ở học sinh) (KT01_KT02-KT03):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 576,6m², tổng diện tích sàn khoảng 2.238,9m²; số tầng cao: 04; chiều cao công trình: 16,90m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 1 phòng sinh hoạt chung và 19 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

j) Hạng mục dân dụng (Khối nhà ở công vụ giáo viên) (CV):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 542,2m², tổng diện tích sàn khoảng 1.615,0m²; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 13,65m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm 1 phòng sinh hoạt chung và 25 phòng ở.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đôi BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

k) Hạng mục dân dụng (Nhà ăn)(AN):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 1.177,4m², tổng diện tích sàn khoảng 1.177,4m²; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,95m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; bố trí công năng công trình: gồm 01 phòng ăn phục vụ tối đa 840 học sinh, bếp nấu và 02 khu vệ sinh chung (nam - nữ).

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

l) Hạng mục dân dụng (Nhà văn hóa – Hội trường) (VH):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 855,3m², tổng diện tích sàn khoảng 855,3m²; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 17,75m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: gồm không gian sinh hoạt + sân khấu, wc + thay đồ và kho.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT, vì kèo thép, lợp tôn. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

m) Hạng mục dân dụng (Nhà đặt máy bơm – Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC) (BN):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng 148m^2 , công trình bao gồm 2 phần:

+ Bể nước ngầm PCCC: bể nước ngầm chứa nước bao gồm bể nước pccc và sinh hoạt.

+ Nhà đặt máy bơm: diện tích xây dựng: $34,7\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình 4,15m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng bê BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền bê tông hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

n) Hạng mục dân dụng (Đài nước) (ĐN):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng $32,0\text{m}^2$; diện tích sàn $64,0\text{m}^2$; Số tầng cao 02 tầng; chiều cao công trình 21,6m so với cốt 0,00; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè khoảng 0,5m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường là BTCT. Tường xây gạch. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT chịu lực, mái BTCT. Nền lát gạch hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

o) Hạng mục Tường rào (kí hiệu HR; số lượng 01):

- Tường rào xây dựng mới với tổng chiều dài khoảng 1285m.

- Kết cấu trụ tường rào BTCT, móng trụ móng đơn đặt trên nền đất tự nhiên. Tường toàn bộ tường xây bằng gạch bê tông không nung (mác gạch tối thiểu 5.0), xây và trát bằng vữa xi măng B5.

3.2. Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) San nền: San gạt cục bộ khu đất theo hướng dốc chính từ Nam ra Bắc và từ Đông sang Tây.

b) Hệ thống đường giao thông nội bộ, sân trường: Xây dựng các tuyến đường giao thông, sân trường, kết cấu bằng BTXM (riêng sân lễ hội, sân thể thao, sân bóng chỉ san gạt, lu lèn tạo mặt bằng), đường kết nối cổng trường vào đường BTXM hiện hữu bằng BTXM. Bó vỉa bồn hoa xây gạch, trát vữa Xi măng.

c) Hệ thống cấp điện:

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp có công suất 250kVA-22/0,4kV để cấp điện cho dự án.

- Thiết kế hệ thống cấp điện ngoài nhà và chiếu sáng sân đường nội bộ.

d) Hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC:

- Hiện trạng khu vực chưa có hệ thống nước sạch, thiết kế bố trí tuyến ống chờ cấp nước HDPE D63 từ cống đến bể nước ngầm. Khi hệ thống hạ tầng khu vực đồng bộ sẽ đấu nối đường ống cấp nước.

- Cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ các khối nhà bằng giếng khoan tại vị trí gần bể nước ngầm. nước sạch sau khi xử lý được bơm từ bể lên đài nước sau đó theo các tuyến ống PVC DN50, DN25 bơm tới các vị trí các khối nhà để cấp nước sinh hoạt.

e) Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Xây dựng tuyến cống BTCT D400mm, D600mm, D800mm dọc theo các tuyến đường giao thông để thu nước mưa sau đó thoát về vị trí chờ đấu nối thoát nước phía Bắc dự án.

+ Xây dựng các tuyến mương BTCT B400 tại vị trí thấp của các sân chào cờ, sân của các khối nhà rồi đấu nối hệ thống thoát nước mưa chung của dự án.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Hệ thống nước thải thiết kế đi riêng với nước mưa. Nước thải của dự án được dẫn về bể xử lý nước thải bằng ống nhựa HDPE D200. Vị trí ống qua đường thiết kế ống lồng STK D250 bảo vệ ống HDPE thoát nước thải.

+ Nước thải xám được thu gom theo hệ thống dẫn về vị trí bể xử lý nằm phía Tây Bắc dự án, nước thải sau khi xử lý thoát về hồ điều hòa. Nước thải đen được xử lý bằng bể 5 ngăn tại vị trí các khối nhà sau đó thoát về hồ tự thấm.

- + Bố trí nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 9m².

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do đơn vị tư vấn lập, chủ đầu tư trình thẩm định tại Tờ trình số 51/TTr-BQLDA ngày 07/11/2025, được Sở Xây dựng Gia Lai thẩm định và trình duyệt tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 18/12/2025).

PHỤ LỤC 07: Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ia O

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

1. Địa điểm xây dựng: Khu đất xây dựng dự án tại làng Dăng, xã Ia O, tỉnh Gia Lai, có diện tích là 98.500m² (9,85ha), có giới cận: Phía Đông Bắc giáp đường Quốc lộ 14C; phía Đông Nam giáp đường quy hoạch; phía Tây Bắc giáp đường quy hoạch; phía Tây Nam giáp đường quy hoạch.

2. Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc (Theo đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được duyệt):

- Cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau:

STT	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	21.054	21,37
2	Đất sân, đường giao thông nội bộ	28.171	28,60
3	Đất cây xanh cảnh quan; sân thể dục, thể thao	31.289	31,76
	<i>Cây xanh cảnh quan</i>	27.939	
	<i>Sân thể dục, thể thao</i>	3.350	
4	Đất dự phòng phát triển	17.986	18,20
Tổng diện tích đất		98.500	100,00

- Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc:

+ Quy mô xây dựng: Xây dựng mới Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở quy mô 1.330 học sinh, gồm các khu chức năng: Khối phòng học; khối phòng phục vụ học tập; khối phòng hành chính quản trị; khu sân chơi, bãi tập; khu vệ sinh và khu để xe; khu phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất: $\geq 10\text{m}^2/\text{học sinh}$.

+ Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.

+ Tầng cao xây dựng: 1-5 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất: Tối đa 0,5 lần.

+ Tỷ lệ cây xanh: $\geq 30\%$.

3. Quy mô đầu tư xây dựng (Theo Tờ trình của chủ đầu tư):

STT	Tên hạng mục	Kí hiệu	Đơn vị tính	Diện tích xây dựng	Tổng diện tích sàn	Số lượng	Tầng cao
I.1	Khối phòng học tập						
1	Khối học lý thuyết tiểu học	LT01	m ² XD	542,8	1.623,6	1	3

	03 tầng 13 phòng						
2	Khối học lý thuyết tiểu học 03 tầng 13 phòng	LT02	m ² XD	542,8	1.623,6	1	3
3	Khối học lý thuyết THCS 03 tầng 14 phòng	LT03	m ² XD	542,8	1.623,6	1	3
4	Khối học bộ môn tiểu học 02 tầng 07 phòng	BM01	m ² XD	542,9	1.091,4	1	2
5	Khối học bộ môn THCS 02 tầng 07 phòng	BM02	m ² XD	542,9	1.091,4	1	2
6	Khối học lý thuyết 03 tầng 14 phòng (dự phòng phát triển GD2)	DK01	m ² XD				
I.2	Khối phòng hỗ trợ học tập						
7	Khối hành chính - phụ trợ	HB	m ² XD	1.186,1	3.171,2	1	3
8	Nhà đa năng	ĐN	m ² XD	1.258,1	1.258,1	1	1
9	Bể bơi	BB	m ² XD	670,4	670,4	1	1
I.3	Khối phục vụ sinh hoạt						
10	Nhà ăn	AN	m ² XD	2.054,3	2.054,3	1	1
11	Nhà ở học sinh 03 tầng 21 phòng	KT01	m ² XD	771,2	2.251,6	1	3
		KT02	m ² XD	771,2	2.251,6	1	3
		KT03	m ² XD	771,2	2.251,6	1	3
		KT04	m ² XD	771,2	2.251,6	1	3
		KT05	m ² XD	771,2	2.251,6	1	3
12	Nhà ở học sinh 04 tầng 28 phòng	KT06	m ² XD	771,2	2.991,8	1	4
13	Nhà ở công vụ cho giáo viên 03 tầng 25 phòng	CV	m ² XD	542,2	1.615,0	1	3
14	Nhà văn hóa	VH	m ² XD	855,3	855,3	1	1
I.4	Khối phụ trợ						
15	Nhà xe giáo viên	NX01	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX03	m ² XD	157,8	157,8	1	1
16	Nhà xe học sinh	NX02	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX04	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX05	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX06	m ² XD	157,8	157,8	1	1
		NX07	m ² XD	157,8	157,8	1	1
17	Nhà xe (dự phòng phát triển GD2)	DK02	m ² XD				
		DK03	m ² XD				
		DK04	m ² XD				
18	Nhà thường trực & công chính	CC	m ² XD	14,5	14,5	1	1
19	Nhà thường trực & công phụ (dự phòng phát triển GD2)	CP	m ² XD				
20	Hành lang nối	HL	m ² XD	1.335,0	1.335,0	1	1
21	Hành lang nối (dự phòng phát triển GD2)	HL	m ² XD	22,5	22,5	1	1
I.5	Khu hạ tầng kỹ thuật						

22	Trạm biến áp	TBA	m ² XD	10,0	10,0	1	1
23	Nhà đặt máy bơm (đặt trên nắp bể nước)	BN	m ² XD	34,7	34,7	1	1
	Khu bể nước sinh hoạt & bể nước pccc		m ² XD	164,7	164,7	1	Bán ngầm
24	Đài nước	ĐA	m ³	20,0	20,0	1	5
25	Nhà điều khiển trạm XLTN	NT	m ² XD	19,8	19,8	1	1
	Trạm xử lý nước thải		m ² XD	102,8	102,8	1	Bán ngầm
26	Nhà chứa chất thải nguy hại		m ² XD	9,0	9,0	1	1
27	Tường rào	HR	m	1.310		1	1

3.1. Phân công trình:

a) Khối lớp học lý thuyết tiểu học 03 tầng 13 phòng (kí hiệu LT01, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 542,8m² (chưa kể bậc cấp, ram dốc ngoài nhà), tổng diện tích sàn khoảng 1.623,6m²; mật độ xây dựng: 0,551%; hệ số sử dụng đất: 0,0165; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,9m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 26,4m so với chỉ giới đường đỏ quốc lộ 14C, lùi 11,7m so với giới đường đỏ đường quy hoạch phía Đông Nam; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: phòng học lý thuyết, phòng nghỉ giáo viên và khu vệ sinh chung.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT kết hợp vì kèo thép, lợp tôn.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

b) Khối lớp học lý thuyết tiểu học 03 tầng 13 phòng (kí hiệu LT02, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 542,8m² (chưa kể bậc cấp, ram dốc ngoài nhà), tổng diện tích sàn khoảng 1.623,6m²; mật độ xây dựng: 0,551%; hệ số sử dụng đất: 0,0165; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,9m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 11,7m so với giới đường đỏ đường quy hoạch phía Đông Nam, sau nhà LT01; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: phòng học lý thuyết, phòng nghỉ giáo viên và khu vệ sinh chung.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT kết hợp vì kèo thép, lợp tôn.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

c) Khối lớp học lý thuyết THCS 03 tầng 14 phòng (kí hiệu LT03, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $542,8\text{m}^2$ (chưa kể bậc cấp, ram dốc ngoài nhà), tổng diện tích sàn khoảng $1.623,6\text{m}^2$; mật độ xây dựng: 0,551%; hệ số sử dụng đất: 0,0165; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 12,9m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 11,7m so với giới đường đỏ đường quy hoạch phía Đông Nam, sau nhà BM02; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: phòng học lý thuyết, phòng nghỉ giáo viên và khu vệ sinh chung.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT kết hợp vì kèo thép, lợp tôn.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

d) Khối lớp học bộ môn tiểu học (kí hiệu BM01, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $542,9\text{m}^2$ (chưa kể bậc cấp, ram dốc ngoài nhà), tổng diện tích sàn khoảng $1.091,4\text{m}^2$; mật độ xây dựng: 0,551%; hệ số sử dụng đất: 0,0111; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,2m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 11,7m so với giới đường đỏ đường quy hoạch phía Đông Nam, sau nhà LT02; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: phòng học bộ môn và khu vệ sinh chung.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT kết hợp vì kèo thép, lợp tôn.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

đ) Khối lớp học bộ môn THCS (kí hiệu BM02, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $542,9\text{m}^2$ (chưa kể bậc cấp, ram dốc ngoài nhà), tổng diện tích sàn khoảng $1.091,4\text{m}^2$; mật độ xây dựng: 0,551%; hệ số sử dụng đất: 0,0111; số tầng cao: 02; chiều cao công trình: 9,2m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 11,7m so với giới đường đỏ đường quy hoạch phía Đông Nam, sau

nhà BM01; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: phòng học bộ môn và khu vệ sinh chung.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT kết hợp vì kèo thép, lợp tôn.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

e) Khối Nhà hành chính - phụ trợ & khối hỗ trợ học tập (kí hiệu HB, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 1.186,1m² (chưa kể bậc cấp, ram dốc ngoài nhà), tổng diện tích sàn khoảng 3.171,2m²; mật độ xây dựng: 1,204%; hệ số sử dụng đất: 0,0322; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 15,1m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 1,05m; bố trí công năng công trình: phòng làm việc, phòng chức năng, phòng thư viện.

- Kết cấu: Móng đơn, móng đôi BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT, mái trang trí dán ngói hoàn thiện.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

g) Nhà đa năng (kí hiệu ĐN, số lượng 01).

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 1.258,1m²; tổng diện tích sàn khoảng 1.258,1m²; mật độ xây dựng: 1,277%; hệ số sử dụng đất: 0,0128; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 11m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; Công năng công trình: không gian sinh hoạt đa năng, sân khấu, khu vệ sinh - thay đồ và kho.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung mái vòm bằng khung kèo thép hình; mái lợp tôn, xà gồ thép.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

h) Bể bơi (kí hiệu BB, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng (mái vòm) khoảng 670,4m², tổng diện tích sàn

khoảng $670,4\text{m}^2$; mật độ xây dựng: 0,681%; hệ số sử dụng đất: 0,0068; số tầng cao: 01, chiều cao công trình: 8,3m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,15m. Hồ bơi sử dụng loại lắp ráp, có thể di dời; mái che dùng mái vòm.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên. Hệ khung mái vòm bằng khung kèo thép hình; mái lợp tôn, xà gồ thép, 02 đầu hồi bọc tôn che.

- Hoàn thiện: Nền bể bơi đổ bê tông tại chỗ. Toàn bộ hệ khung mái vòm sơn nước hoàn thiện.

- Hệ thống thiết bị bể bơi kèm theo.

i) Nhà để xe (số lượng 07): Nhà để xe số 1 (kí hiệu NX01, số lượng 01); Nhà để xe số 2 (kí hiệu NX02, số lượng 01); Nhà để xe số 3 (kí hiệu NX03, số lượng 01); Nhà để xe số 4 (kí hiệu NX04, số lượng 01); Nhà để xe số 5 (kí hiệu NX05, số lượng 01); Nhà để xe số 6 (kí hiệu NX06, số lượng 01); Nhà để xe số 7 (kí hiệu NX07, số lượng 01).

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $157,8\text{m}^2$; tổng diện tích sàn khoảng $157,8\text{m}^2$; mật độ xây dựng: 0,160%; hệ số sử dụng đất: 0,0016; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 3m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,2m. Công năng công trình: Nhà để xe.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền tự nhiên. Hệ khung cột thép, vì kèo thép chịu lực. Mái lợp tôn, xà gồ thép.

- Hoàn thiện: Nền đổ bê tông, láng VXM hoàn thiện. Toàn bộ hệ khung thép sơn nước hoàn thiện.

- Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng,...

k) Hành lang cầu nối (kí hiệu HL, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng 1.335m^2 , tổng diện tích sàn khoảng 1.335m^2 ; mật độ xây dựng: 1,407%; hệ số sử dụng đất: 0,0141; số tầng cao: 01; chiều cao đoạn điển hình: 4,83m; chiều cao đoạn giao nhau với đường giao thông PCCC: 5,83m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m. Hành lang cầu nối kết nối khu nhà hiệu bộ, khối hành chính, khối phục vụ học tập với các khối nhà lớp học, nhà ăn, khối nhà ở công vụ giáo viên và các khối nhà nội trú học sinh nhằm phục vụ việc di chuyển giữa các khối nhà cho giáo viên cũng như học sinh trong những ngày thời tiết mưa gió, nắng nóng.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Hệ khung BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT phía trên lợp ngói.

- Hoàn thiện: Nền lát gạch nhám, chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng.

k) Nhà bảo vệ công chính (kí hiệu CC, số lượng 01):

- Nhà bảo vệ: Diện tích xây dựng khoảng $14,5\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $14,5\text{m}^2$; mật độ xây dựng: 0,014%; hệ số sử dụng đất: 0,0001; số tầng cao: 01; chiều cao công trình 2,65m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,25m. Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Hệ khung BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT, phía trên lát gạch chống nóng. Nền lát gạch nhám chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện. Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

- Cổng chính có chiều dài khoảng 24m, gồm: Cổng chính bằng sắt dạng cổng đẩy rộng khoảng 8,8m, cổng phụ bằng sắt dạng cổng mở rộng khoảng 4m; chiều cao công trình 5,35m. Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT.

l) Nhà ở học sinh 03 tầng 21 phòng (số lượng 05): Nhà ở học sinh số 1 (kí hiệu KT01, số lượng 01); Nhà ở học sinh số 2 (kí hiệu KT02, số lượng 01); Nhà ở học sinh số 3 (kí hiệu KT03, số lượng 01); Nhà ở học sinh số 4 (kí hiệu KT04, số lượng 01); Nhà ở học sinh số 5 (kí hiệu KT05, số lượng 01).

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $771,2\text{m}^2/\text{nghĩa}$ (chưa kể bậc cấp, ram dốc ngoài nhà), tổng diện tích sàn khoảng $2.251,6\text{m}^2/\text{nghĩa}$; mật độ xây dựng: 0,783%; hệ số sử dụng đất: 0,0229; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 13,2m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 9,9m so với giới đường đỏ đường quy hoạch phía Tây Nam; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: phòng ở học sinh + bảo mẫu và phòng sinh hoạt chung.

- Kết cấu: Móng đơn, đôi BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT kết hợp vì kèo thép, lợp tôn.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

m) Nhà ở học sinh 04 tầng 24 phòng (kí hiệu KT06, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $771,2\text{m}^2/\text{nghĩa}$ (chưa kể bậc cấp, ram dốc ngoài nhà); tổng diện tích sàn khoảng $2.991,8\text{m}^2/\text{nghĩa}$; mật độ xây dựng: 0,783%; hệ số sử dụng đất: 0,0304; số tầng cao: 04; chiều cao công trình: 16,9m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 9,9m so với giới đường đỏ đường quy hoạch phía Tây Nam; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: phòng ở học sinh + bảo mẫu và phòng sinh hoạt chung.

- Kết cấu: Móng băng 1 phương BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền

đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT kết hợp vì kèo thép, lợp tôn.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

n) Nhà ở công vụ giáo viên (kí hiệu CV, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $542,2\text{m}^2$ (chưa kể bậc cấp, ram dốc ngoài nhà), tổng diện tích sàn khoảng $1.615,0\text{m}^2$; mật độ xây dựng: 0,55%; hệ số sử dụng đất: 0,0164; số tầng cao: 03; chiều cao công trình: 14,6m; chỉ giới xây dựng công trình: Lùi 9,9m so với giới đường đỏ đường quy hoạch phía Tây Nam; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m; bố trí công năng công trình: phòng ở giáo viên và phòng sinh hoạt chung.

- Kết cấu: Móng đơn, đôi BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT kết hợp vì kèo thép, lợp tôn.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

o) Nhà ăn (kí hiệu AN, số lượng 01):

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $2.054,3\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $2.054,3\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 8,20m; mật độ xây dựng: 2,086%; hệ số sử dụng đất: 0,0209; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; bố trí công năng công trình: phòng ăn, bếp nấu và khu vệ sinh chung.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái BTCT kết hợp vì kèo thép, lợp tôn.

- Hoàn thiện: Nền, sàn lát gạch nhám chống trượt; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

p) Nhà văn hóa – hội trường (kí hiệu VH, số lượng 01)

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $855,3\text{m}^2$, tổng diện tích sàn khoảng $855,3\text{m}^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình: 17m; mật độ xây dựng: 0,868%; hệ số sử dụng đất: 0,0087; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,75m; bố

trí công năng công trình: không gian sinh hoạt + sân khấu, WC + thay đồ và kho.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Mái khung vì kèo thép, lợp tôn.

- Hoàn thiện: Nền lát gạch nhám chống trượt; nền khu vệ sinh lát gạch chống trượt. Toàn bộ công trình trát VXM và bả ma tít và sơn nước hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

q) Nhà đặt máy bơm – Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC (kí hiệu BN, số lượng 01):

- Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC: Diện tích xây dựng khoảng $164,7m^2$, tổng thể tích bể khoảng $366m^3$, gồm: Bể nước PCCC, bể nước sinh hoạt; cốt mặt bể cao hơn cốt vỉa hè: 0,1m. Móng bè BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên. Hệ khung vách BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực.

- Nhà đặt máy bơm đặt trên Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC: Diện tích xây dựng khoảng $34,7m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $34,7m^2$; mật độ xây dựng: 0,035%; hệ số sử dụng đất: 0,0004; số tầng cao: 01; chiều cao công trình 3,6m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,55m. Hệ khung cột, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Tường xây gạch không nung. Nền làm bản nắp của Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC, mái BTCT lợp VXM hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

r) Đài nước (kí hiệu ĐN, số lượng 01): Tổng thể tích bồn chứa khoảng $20m^3$.

- Kiến trúc: Diện tích xây dựng khoảng $32m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $64m^2$; mật độ xây dựng: 0,032%; hệ số sử dụng đất: 0,0006; số tầng cao: 05; chiều cao công trình 21,1m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 0,45m.

- Kết cấu + hoàn thiện: Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung, từ tầng 2 trở lên không xây. Hệ khung cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

s) Hạng mục Trạm xử lý nước thải (kí hiệu NT, số lượng: 01):

- Kiến trúc: Công suất xử lý nước thải công suất $90m^3/ngày.đêm$. Các bể xử lý được đặt bên ngoài trời phía cuối khu đất.

- + Bể nước xử lý nước thải bán ngầm, diện tích xây dựng khoảng $102,8m^2$, tổng diện tích sàn khoảng $102,8m^2$, cốt mặt bể cao hơn cốt vỉa hè: 0,2m-1,7m. Móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250) đặt trên nền đất tự nhiên. Hệ khung vách BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực.

- + Nhà đặt trạm xử lý: Diện tích xây dựng khoảng $19,8m^2$; số tầng cao: 01; chiều cao công trình 3,2m; cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt vỉa hè: 1,7m. Hệ khung cột, sàn BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực. Tường xây gạch không

nung. Nền làm bản nắp của Bể nước xử lý nước thải, mái BTCT láng VXM hoàn thiện.

- Bố trí hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và PCCC theo yêu cầu sử dụng.

t) Tường rào: Tổng chiều dài khoảng 1.310m. Kết cấu móng, trụ, giằng bằng BTCT cấp độ bền B20 (M250) chịu lực, móng tường xây đá chẻ. Tường xây gạch không nung cao khoảng 2,3m so với cốt sàn; toàn bộ tường rào trát VXM, sơn nước hoàn thiện.

3.2. Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) San nền: San gạt cục bộ khu đất theo hướng dốc chính từ Bắc vào Nam, khối lượng đất sau khi san gạt, thừa khoảng 1.433m³.

b) Hệ thống giao thông:

- Xây dựng các tuyến đường giao thông nội bộ bằng bê tông xi măng với chiều rộng nền đường 7m, tổng chiều dài tuyến khoảng 1.000m, diện tích xây dựng khoảng 7.883m²; làn chuyển tốc bằng BTN C16 với diện tích khoảng 789,77m²; đường kết nối từ cổng trường vào làn chuyển tốc bằng BTXM với diện tích khoảng 1.834,05m².

- Sân trường diện tích xây dựng khoảng 21.543,8m² đổ bê tông xi măng; bố vỉa bồn hoa xây gạch, trát VXM hoàn thiện, sân lễ hội diện tích xây dựng khoảng 1.721,3m². Sân thể dục thể thao diện tích xây dựng khoảng 1.593,6m², sân bóng đá diện tích xây dựng khoảng 2.400m² (riêng sân lễ hội, sân thể thao, sân bóng chỉ san gạt, lu lèn tạo mặt bằng).

c) Hệ thống cấp điện:

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp có công suất 320kVA-22/0,4kV.

- Thiết kế hệ thống cấp điện ngoài nhà và chiếu sáng sân đường nội bộ.

d) Hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC:

- Hiện trạng khu vực chưa có hệ thống nước sạch, thiết kế bố trí tuyến ống chờ cấp nước HDPE D63mm từ cổng đến Bể nước sinh hoạt – Bể nước PCCC. Khi hệ thống hạ tầng khu vực đồng bộ sẽ đấu nối đường ống cấp nước.

- Cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ các khối nhà bằng giếng khoan. Nước sạch sau khi xử lý được bơm từ bể lên đài nước, theo các tuyến ống DN50, DN25 tới vị trí các khối nhà để cấp nước sinh hoạt.

đ) Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Xây dựng tuyến cống BTCT D400mm, D600mm, D800mm dọc theo các tuyến đường giao thông để thu nước mưa, thoát về vị trí chờ đầu nối thoát nước phía Nam dự án.

+ Xây dựng các tuyến mương BTCT B400 tại vị trí thấp của các sân chào cờ,

sân của các khối nhà, đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của dự án.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Hệ thống nước thải thiết kế đi riêng với nước mưa. Nước thải của dự án được dẫn về bể xử lý nước thải bằng ống nhựa HDPE. Vị trí ống qua đường thiết kế ống lồng bảo vệ.

+ Nước thải xám được thu gom theo hệ thống dẫn về vị trí bể xử lý nằm phía Tây Nam dự án, nước thải sau khi xử lý thoát về hồ điều hòa. Nước thải đen được xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn tại vị trí các khối nhà sau đó thoát về hồ tự thấm.

+ Bố trí nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 9m².

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do đơn vị tư vấn lập, chủ đầu tư trình thẩm định tại Tờ trình số 51/TTr-BQLDA ngày 07/11/2025, được Sở Xây dựng Gia Lai thẩm định và trình duyệt tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 18/12/2025).